

**BÁO CÁO CƠ SỞ PHÁP LÝ XÁC ĐỊNH CHỈ TIÊU NĂM 2025**

**1. Danh sách ngành đào tạo**

| STT | Tên ngành          | Mã ngành | Số văn bản cho phép mở ngành | Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành | Số quyết định chuyển đổi tên ngành (gần nhất) | Ngày tháng năm ban hành Số quyết định chuyển đổi tên ngành (gần nhất) | Trường tự chủ QĐ hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép | Năm bắt đầu đào tạo | Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh |
|-----|--------------------|----------|------------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|---------------------|----------------------------------------------------------|
| 1   | Sư phạm Hoá học    | 7140212  | 995/QĐ-BGDĐT                 | 15/04/2025                                        |                                               |                                                                       | Cơ quan có thẩm quyền cho phép                       | 2025                | 2025                                                     |
| 2   | Quản lý kinh tế    | 8310110  | 5009/QĐ-BGDDT                | 30/11/2017                                        | 821/QĐ-BGDĐT                                  | 12/03/2018                                                            | Cơ quan có thẩm quyền cho phép                       | 2018                | 2023                                                     |
| 3   | Văn học            | 7229030  | 336/QĐ-ĐHHD                  | 24/02/2025                                        |                                               |                                                                       | Trường tự chủ QĐ                                     | 2025                | 2025                                                     |
| 4   | Giáo dục Chính trị | 7140205  | 1071/QĐ-BGDĐT-ĐH             | 08/04/2024                                        |                                               |                                                                       | Cơ quan có thẩm quyền cho phép                       | 2024                | 2024                                                     |
| 5   | Sư phạm Ngữ văn    | 7140217  | 1443/QĐ-BGDĐT-ĐH             | 22/05/2023                                        |                                               |                                                                       | Cơ quan có thẩm quyền cho phép                       | 2023                | 2023                                                     |
| 6   | Sư phạm công nghệ  | 7140246  | 999/QĐ-BGDĐT                 | 15/04/2025                                        |                                               |                                                                       | Cơ quan có thẩm quyền cho phép                       | 2025                | 2025                                                     |
| 7   | Kỹ thuật điện      | 7520201  | 1645/QĐ-BGDDT                | 03/05/2012                                        | 821/QĐ-BGDĐT                                  | 12/03/2018                                                            | Cơ quan có thẩm quyền cho phép                       | 2012                | 2023                                                     |
| 8   | Giáo dục Mầm non   | 7140201  | 1445/QĐ-BGDĐT-ĐH             | 22/05/2023                                        |                                               |                                                                       | Cơ quan có thẩm quyền cho phép                       | 2023                | 2023                                                     |

|    |                                         |          |                  |            |              |            |                                |      |      |
|----|-----------------------------------------|----------|------------------|------------|--------------|------------|--------------------------------|------|------|
| 9  | Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật        | 7760103  | 296/QĐ-ĐHHD      | 19/04/2024 |              |            | Trường tự chủ QĐ               | 2024 | 2024 |
| 10 | Công nghệ kỹ thuật điện tử – viễn thông | 7510302  | 405/QĐ-ĐHHD      | 18/07/2023 |              |            | Trường tự chủ QĐ               | 2023 | 2023 |
| 11 | Toán học                                | 7460101  | 338/QĐ-ĐHHD      | 24/02/2025 |              |            | Trường tự chủ QĐ               | 2025 | 2025 |
| 12 | Sư phạm Tin học                         | 7140210  | 1405/QĐ-BGDĐT    | 15/05/2024 |              |            | Cơ quan có thẩm quyền cho phép | 2024 | 2024 |
| 13 | Công nghệ thông tin                     | 7480201  | 349/QĐ-BGDDT     | 27/01/2014 | 821/QĐ-BGDĐT | 12/03/2018 | Cơ quan có thẩm quyền cho phép | 2014 | 2023 |
| 14 | Sư phạm Vật lý                          | 7140211  | 996/QĐ-BGDĐT     | 15/04/2025 |              |            | Cơ quan có thẩm quyền cho phép | 2025 | 2025 |
| 15 | Công nghệ kỹ thuật cơ - điện tử         | 7510203  | 337/QĐ-ĐHHD      | 24/02/2025 |              |            | Trường tự chủ QĐ               | 2025 | 2025 |
| 16 | Giáo dục Thể chất                       | 7140206  | 2420/QĐ-BGDĐT    | 21/08/2023 |              |            | Cơ quan có thẩm quyền cho phép | 2023 | 2023 |
| 17 | Sư phạm Lịch sử                         | 7140218  | 2419/QĐ-BGDĐT    | 21/08/2023 |              |            | Cơ quan có thẩm quyền cho phép | 2023 | 2023 |
| 18 | Sư phạm Tiếng Anh                       | 7140231  | 1444/QĐ-BGDĐT-ĐH | 22/05/2023 |              |            | Cơ quan có thẩm quyền cho phép | 2023 | 2023 |
| 19 | Kế toán                                 | 8340301  | 4048/QĐ-BGDDT    | 01/10/2015 | 821/QĐ-BGDĐT | 12/03/2018 | Cơ quan có thẩm quyền cho phép | 2015 | 2023 |
| 20 | Giáo dục mầm non                        | 51140201 | 1057/QĐ-BGDĐT-ĐH | 09/03/2003 |              |            | Cơ quan có thẩm quyền cho phép | 2003 | 2023 |
| 21 | Sư phạm Sinh học                        | 7140213  | 994/QĐ-BGDĐT     | 15/04/2025 |              |            | Cơ quan có thẩm quyền cho phép | 2025 | 2025 |
| 22 | Quản trị văn phòng                      | 7340406  | 5468/QĐ-BGDDT    | 15/11/2013 | 821/QĐ-BGDĐT | 12/03/2018 | Cơ quan có thẩm quyền cho phép | 2014 | 2023 |
| 23 | Tài chính - Ngân hàng                   | 7340201  | 1645/QĐ-BGDDT    | 03/05/2012 | 821/QĐ-BGDĐT | 12/03/2018 | Cơ quan có thẩm quyền cho phép | 2012 | 2023 |

|    |                                     |         |                  |            |              |            |                                |      |      |
|----|-------------------------------------|---------|------------------|------------|--------------|------------|--------------------------------|------|------|
| 24 | Marketing                           | 7340115 | 399/QĐ-ĐHHD      | 18/07/2023 |              |            | Trường tự chủ QĐ               | 2023 | 2023 |
| 25 | Giáo dục Tiểu học                   | 7140202 | 1446/QĐ-BGDĐT-ĐH | 22/05/2023 |              |            | Cơ quan có thẩm quyền cho phép | 2023 | 2023 |
| 26 | Ngôn ngữ Anh                        | 7220201 | 5343/QĐ-BGDDĐT   | 11/11/2016 | 821/QĐ-BGDĐT | 12/03/2018 | Cơ quan có thẩm quyền cho phép | 2017 | 2023 |
| 27 | Kế toán                             | 7340301 | 3366/QĐ-BGDDĐT   | 11/08/2011 | 821/QĐ-BGDĐT | 12/03/2018 | Cơ quan có thẩm quyền cho phép | 2011 | 2023 |
| 28 | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành | 7810103 | 768/QĐ-BGDDĐT    | 27/02/2013 | 821/QĐ-BGDĐT | 12/03/2018 | Cơ quan có thẩm quyền cho phép | 2013 | 2022 |
| 29 | Sư phạm Địa lý                      | 7140219 | 1070/QĐ-BGDĐT-ĐH | 08/04/2024 |              |            | Cơ quan có thẩm quyền cho phép | 2024 | 2024 |
| 30 | Quản trị kinh doanh                 | 7340101 | 1645/QĐ-BGDDĐT   | 03/05/2012 | 821/QĐ-BGDĐT | 12/03/2018 | Cơ quan có thẩm quyền cho phép | 2012 | 2023 |
| 31 | Sư phạm khoa học tự nhiên           | 7140247 | 1589/QĐ-BGDĐT    | 08/06/2023 |              |            | Cơ quan có thẩm quyền cho phép | 2023 | 2023 |
| 32 | Kinh tế                             | 7310101 | 1898/QĐ-BGDDĐT   | 21/05/2012 | 821/QĐ-BGDĐT | 12/03/2018 | Cơ quan có thẩm quyền cho phép | 2012 | 2023 |
| 33 | Sư phạm Toán học                    | 7140209 | 1442/QĐ-BGDĐT-ĐH | 22/05/2023 |              |            | Cơ quan có thẩm quyền cho phép | 2023 | 2023 |

## 2. Danh sách đội ngũ giảng viên toàn thời gian và thỉnh giảng

### 2.1 Danh sách đội ngũ giảng viên toàn thời gian:

| STT | Họ và tên            | Ngày,tháng,năm sinh | Số CMTND/CCCD/hộ chiếu | Quốc tịch | Giới tính | Năm tuyển dụng/ ký hợp đồng | Thời hạn hợp đồng            | Chức danh khoa học | Trình độ | Chuyên môn được đào tạo |
|-----|----------------------|---------------------|------------------------|-----------|-----------|-----------------------------|------------------------------|--------------------|----------|-------------------------|
| 1   | Trương Thị Thu Quỳnh | 17/03/1986          | 030186018248           | Việt Nam  | Nữ        | 01/03/2012                  | HĐLĐ không xác định thời hạn |                    | Thạc sĩ  | Quản trị kinh doanh     |
| 2   | Trần Thị Quý         | 03/03/1970          | 030170013708           | Việt Nam  | Nữ        | 01/01/2015                  | HĐLĐ không xác định thời hạn |                    | Đại học  | Kế toán                 |
| 3   | Vũ Thị Thảo          | 02/02/1986          | 030186010726           | Việt Nam  | Nữ        | 01/06/2016                  | HĐLĐ không xác định thời hạn |                    | Thạc sĩ  | Kinh tế học             |
| 4   | Tăng Thế Toàn        | 04/12/1976          | 030076017819           | Việt Nam  | Nam       | 10/02/1999                  | HĐLĐ không xác định thời hạn |                    | Tiến sĩ  | Kỹ thuật điện tử        |
| 5   | Trần Thị Diệu Loan   | 06/01/1988          | 030188004238           | Việt Nam  | Nữ        | 01/08/2016                  | HĐLĐ không xác định thời hạn |                    | Thạc sĩ  | Kế toán                 |
| 6   | Lê Đình Sơn          | 20/07/1962          | 030062005612           | Việt Nam  | Nam       | 01/09/2024                  | HĐLĐ xác định thời hạn       |                    | Tiến sĩ  | Nông nghiệp             |
| 7   | Trần Quốc Hưng       | 19/08/1980          | 030080020073           | Việt Nam  | Nam       | 01/01/2007                  | HĐLĐ không xác định thời hạn |                    | Thạc sĩ  | Giáo dục học            |
| 8   | Phan Thị Minh Thùy   | 13/10/1981          | 030181020998           | Việt Nam  | Nữ        | 01/11/2007                  | HĐLĐ không xác định thời hạn |                    | Đại học  | Kế toán                 |
| 9   | Lâm Thị Thoa         | 11/08/1981          | 034181009713           | Việt Nam  | Nữ        | 30/12/2021                  | HĐLĐ không xác định thời hạn |                    | Thạc sĩ  | Toán học                |
| 10  | Nguyễn Thu Huyền     | 03/09/1985          | 030185005213           | Việt Nam  | Nữ        | 01/06/2016                  | HĐLĐ không xác định thời hạn |                    | Thạc sĩ  | Kinh tế học             |
| 11  | Nguyễn Lam Kiều      | 27/10/2000          | 030300003818           | Việt Nam  | Nữ        | 01/08/2024                  | HĐLĐ xác định thời hạn       |                    | Đại học  | Sư phạm Tiếng Anh       |
| 12  | Nguyễn Thị Lê        | 21/10/1978          | 030178014629           | Việt Nam  | Nữ        | 01/08/2016                  | HĐLĐ không xác định thời hạn |                    | Đại học  | Ngôn ngữ Trung Quốc     |
| 13  | Trần Thị Tuyền       | 09/01/1983          | 024183016025           | Việt Nam  | Nữ        | 01/01/2008                  | HĐLĐ không xác định thời hạn |                    | Thạc sĩ  | Triết học               |

|    |                      |            |              |          |     |            |                              |  |         |                       |
|----|----------------------|------------|--------------|----------|-----|------------|------------------------------|--|---------|-----------------------|
| 14 | Phạm Đức Kiêm        | 15/09/1983 | 030083014225 | Việt Nam | Nam | 30/12/2021 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh   |
| 15 | Bùi Thị Trang        | 04/01/1998 | 030198015022 | Việt Nam | Nữ  | 01/09/2024 | HĐLĐ xác định thời hạn       |  | Đại học | Giáo dục Mầm non      |
| 16 | Bùi Hồng Đoàn        | 20/07/1983 | 030083022392 | Việt Nam | Nam | 02/01/2008 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Vật lý chất rắn       |
| 17 | Trần Thị Ngoan       | 08/10/1984 | 030184005653 | Việt Nam | Nữ  | 25/11/2021 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Văn hoá học           |
| 18 | Nguyễn Thị Thùy Linh | 22/03/1982 | 030182001274 | Việt Nam | Nữ  | 01/01/2013 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Kinh tế chính trị     |
| 19 | Nguyễn Thị Quỳnh Nga | 28/04/1983 | 030183025572 | Việt Nam | Nữ  | 01/06/2016 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Kế toán               |
| 20 | Đinh Thị Mai Hương   | 15/07/1988 | 030188018688 | Việt Nam | Nữ  | 01/08/2016 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Tài chính - Ngân hàng |
| 21 | Trần Thị Oanh        | 04/05/1986 | 030186012213 | Việt Nam | Nữ  | 01/06/2016 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Anh          |
| 22 | Nguyễn Thị Kim       | 23/01/1984 | 030184001675 | Việt Nam | Nữ  | 06/07/2009 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Kế toán               |
| 23 | Phạm Ngọc Anh        | 25/07/1988 | 030188002709 | Việt Nam | Nữ  | 01/06/2016 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh   |
| 24 | Nguyễn Thị Hồng Gấm  | 20/01/1974 | 030174018075 | Việt Nam | Nữ  | 01/03/1996 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Tiến sĩ | Giáo dục học          |
| 25 | Phùng Việt Phương    | 27/03/1980 | 012080004966 | Việt Nam | Nam | 01/01/2012 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Kinh tế học           |
| 26 | Đào Thuý Nga         | 18/08/1989 | 030189010510 | Việt Nam | Nữ  | 15/01/2016 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh   |
| 27 | Vũ Thị Yến Nhi       | 16/07/1977 | 033177009629 | Việt Nam | Nữ  | 01/05/2005 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Tiến sĩ | Giáo dục học          |
| 28 | Trần Doãn Khoa       | 18/04/1977 | 030077027512 | Việt Nam | Nam | 01/01/2012 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Quản lý giáo dục      |
| 29 | Lê Thị Minh Anh      | 17/02/1977 | 030177002123 | Việt Nam | Nữ  | 01/02/1999 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Giáo dục học          |

|    |                      |            |              |          |     |            |                              |  |         |                                |
|----|----------------------|------------|--------------|----------|-----|------------|------------------------------|--|---------|--------------------------------|
| 30 | Vũ Thị Thảo          | 10/10/1988 | 030188021645 | Việt Nam | Nữ  | 01/01/2022 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Tiến sĩ | Ngôn ngữ học                   |
| 31 | Đặng Ngọc Anh        | 25/10/1980 | 022080003762 | Việt Nam | Nam | 01/01/2010 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin            |
| 32 | Phạm Thị Thu Trang   | 22/03/1988 | 022188001340 | Việt Nam | Nữ  | 01/06/2016 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Tiến sĩ | Kế toán                        |
| 33 | Nguyễn Thị Thu Uyên  | 30/09/1998 | 030198010747 | Việt Nam | Nữ  | 01/07/2020 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Đại học | Giáo dục Mầm non               |
| 34 | Trần Việt Dũng       | 20/12/1984 | 030084006260 | Việt Nam | Nam | 22/11/2021 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam |
| 35 | Nguyễn Hoài Phương   | 12/10/1994 | 030194008670 | Việt Nam | Nữ  | 01/12/2017 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Đại học | Công nghệ thông tin            |
| 36 | Nguyễn Việt Cường    | 12/06/1976 | 024076019519 | Việt Nam | Nam | 01/03/2012 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Tiến sĩ | Quản trị kinh doanh            |
| 37 | Nguyễn Lê Thăng Long | 10/10/1984 | 001088402226 | Việt Nam | Nam | 01/10/2023 | HĐLĐ xác định thời hạn       |  | Tiến sĩ |                                |
| 38 | Hà Thị Thu Hoài      | 27/04/1979 | 040179003795 | Việt Nam | Nữ  | 01/08/2016 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Quản lý xây dựng               |
| 39 | Bùi Thị Hường        | 15/07/1997 | 030197008515 | Việt Nam | Nữ  | 01/09/2024 | HĐLĐ xác định thời hạn       |  | Đại học | Giáo dục Mầm non               |
| 40 | Bùi Thị Bích Hạnh    | 20/10/1990 | 030190009425 | Việt Nam | Nữ  | 26/11/2018 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Đại học | Quản trị văn phòng             |
| 41 | Bùi Hữu Tuấn         | 03/06/1982 | 030082007213 | Việt Nam | Nam | 03/02/2025 | HĐLĐ xác định thời hạn       |  | Đại học | Thông tin - thư viện           |
| 42 | Lê Thị Hiền          | 02/02/1985 | 033185007690 | Việt Nam | Nữ  | 30/12/2021 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ |                                |
| 43 | Nguyễn Tiến Phương   | 24/02/1977 | 025077010399 | Việt Nam | Nam | 01/01/2024 | HĐLĐ xác định thời hạn       |  | Tiến sĩ | Cơ sở toán học cho tin học     |
| 44 | Nguyễn Thị Tính      | 06/07/1984 | 030184010135 | Việt Nam | Nữ  | 01/09/2024 | HĐLĐ xác định thời hạn       |  | Thạc sĩ | Văn học                        |
| 45 | Đỗ Thị Ngọc Tú       | 13/06/1977 | 030177013911 | Việt Nam | Nữ  | 28/12/1999 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Anh                   |

|    |                     |            |              |          |     |            |                              |  |         |                     |
|----|---------------------|------------|--------------|----------|-----|------------|------------------------------|--|---------|---------------------|
| 46 | Nguyễn Thị Kim Thoa | 11/05/1980 | 030180002520 | Việt Nam | Nữ  | 30/12/2021 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Kế toán             |
| 47 | Nguyễn Văn Vươn     | 20/05/1982 | 030082002267 | Việt Nam | Nam | 01/09/2019 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Đại học | Giáo dục Tiểu học   |
| 48 | Nguyễn Thị Minh Hải | 04/06/1976 | 030176018297 | Việt Nam | Nữ  | 02/12/2005 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Tâm lý học          |
| 49 | Nguyễn Thanh Liêm   | 30/11/1980 | 030080014103 | Việt Nam | Nam | 01/01/2012 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Toán học            |
| 50 | Ngô Thị Kiều Trang  | 04/07/1986 | 030186009249 | Việt Nam | Nữ  | 01/11/2009 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 51 | Nguyễn Thị Bắc      | 08/06/1985 | 030185014362 | Việt Nam | Nữ  | 01/06/2016 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Tâm lý học          |
| 52 | Phạm Thị Tuyền      | 10/09/1977 | 030177018556 | Việt Nam | Nữ  | 01/06/1998 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Kế toán             |
| 53 | Vũ Thị Hương        | 29/08/1991 | 030191020215 | Việt Nam | Nữ  | 15/01/2016 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Luật kinh tế        |
| 54 | Trần Thị Oanh       | 08/06/1981 | 034181006952 | Việt Nam | Nữ  | 01/12/2007 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Kỹ thuật cơ khí     |
| 55 | Nguyễn Thị Phượng   | 02/09/1983 | 030183008304 | Việt Nam | Nữ  | 01/08/2007 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Tiến sĩ | Ngôn ngữ Việt Nam   |
| 56 | Trần Thị Hương      | 25/10/1978 | 030178010580 | Việt Nam | Nữ  | 01/01/2006 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Tiến sĩ | Giáo dục học        |
| 57 | Bùi Phương Thanh    | 12/11/1984 | 030184019584 | Việt Nam | Nữ  | 01/06/2016 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Tiến sĩ | Kinh tế học         |
| 58 | Vũ Thùy Trang       | 05/12/1981 | 030181008032 | Việt Nam | Nữ  | 01/06/2016 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ |                     |
| 59 | Nguyễn Việt Long    | 12/03/1998 | 030098014632 | Việt Nam | Nam | 01/05/2022 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 60 | Nguyễn Thị Quyên    | 07/06/1986 | 030186011597 | Việt Nam | Nữ  | 01/03/2020 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Sư phạm Ngữ văn     |
| 61 | Phạm Thúy Nga       | 06/05/1981 | 030181019445 | Việt Nam | Nữ  | 01/09/2004 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Sinh học            |

|    |                       |            |              |          |     |            |                              |  |         |                       |
|----|-----------------------|------------|--------------|----------|-----|------------|------------------------------|--|---------|-----------------------|
| 62 | Bùi Thị Thủy          | 20/05/1982 | 030182013807 | Việt Nam | Nữ  | 01/11/2004 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Anh          |
| 63 | Vũ Thị Lệ Giang       | 10/03/1991 | 030191006686 | Việt Nam | Nữ  | 01/06/2014 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Quản lý kinh tế       |
| 64 | Vũ Thị Hồng Gấm       | 07/10/1999 | 030199013103 | Việt Nam | Nữ  | 01/01/2022 | HĐLĐ xác định thời hạn       |  | Đại học | Giáo dục Tiểu học     |
| 65 | Dương Thị Yến         | 17/07/1983 | 030183067072 | Việt Nam | Nữ  | 01/01/2008 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Giáo dục học          |
| 66 | Nguyễn Thị Hòa        | 23/05/1974 | 030174006150 | Việt Nam | Nữ  | 01/04/2009 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Giáo dục học          |
| 67 | Đoàn Thị Việt Nga     | 23/01/1982 | 030182005508 | Việt Nam | Nữ  | 02/05/2012 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Văn học               |
| 68 | Nguyễn Bá Việt        | 18/12/1982 | 030082012018 | Việt Nam | Nam | 01/06/2016 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh   |
| 69 | Nguyễn Thị Thanh Thủy | 20/10/1975 | 030175028986 | Việt Nam | Nữ  | 15/09/2015 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Đại học | Giáo dục Tiểu học     |
| 70 | Hoàng Thị Thuý Hà     | 19/10/1976 | 030176002851 | Việt Nam | Nữ  | 27/03/2024 | HĐLĐ xác định thời hạn       |  | Tiến sĩ | Quản lý kinh tế       |
| 71 | Nguyễn Xuân Hùng      | 26/12/1964 | 033064003110 | Việt Nam | Nam | 11/12/1996 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Toán tin              |
| 72 | Nguyễn Thị Hương      | 30/10/1984 | 030184003955 | Việt Nam | Nữ  | 22/09/2021 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Kinh tế học           |
| 73 | Trần Thị Hạnh         | 08/02/1980 | 030180001348 | Việt Nam | Nữ  | 30/12/2021 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Anh          |
| 74 | Lê Thị Nguyệt         | 28/07/1980 | 030180007424 | Việt Nam | Nữ  | 25/11/2021 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Tiến sĩ | Kinh doanh thương mại |
| 75 | Đào Hồng Diệu         | 15/03/1985 | 030185024063 | Việt Nam | Nữ  | 01/01/2008 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Toán học              |
| 76 | Đinh Thị Lê Duyên     | 30/11/1983 | 030183001058 | Việt Nam | Nữ  | 30/12/2021 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Anh          |
| 77 | Nguyễn Thị Lý         | 22/04/1977 | 030177005641 | Việt Nam | Nữ  | 01/05/2012 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh   |



|    |                      |            |              |          |     |            |                              |  |         |                     |
|----|----------------------|------------|--------------|----------|-----|------------|------------------------------|--|---------|---------------------|
| 78 | Nguyễn Thị Vân       | 02/02/1982 | 030182016065 | Việt Nam | Nữ  | 01/11/2011 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Kế toán             |
| 79 | Đào Thị Miên         | 11/11/1980 | 030180019404 | Việt Nam | Nữ  | 01/10/2011 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 80 | Vũ Thị Diệp Lan      | 14/01/1987 | 030187013359 | Việt Nam | Nữ  | 01/09/2011 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 81 | Phạm Thị Loan        | 25/06/1985 | 030185004916 | Việt Nam | Nữ  | 01/01/2009 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 82 | Bùi Ngọc Nhâm        | 29/10/1994 | 030194006362 | Việt Nam | Nữ  | 01/08/2018 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Đại học | Giáo dục Tiểu học   |
| 83 | Đinh Xuân Cường      | 30/08/1976 | 001076018246 | Việt Nam | Nam | 01/09/2023 | HĐLĐ xác định thời hạn       |  | Tiến sĩ |                     |
| 84 | Nguyễn Thị Hải Vân   | 16/01/1977 | 033177003924 | Việt Nam | Nữ  | 15/10/2005 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Địa lý học          |
| 85 | Vũ Văn Thản          | 15/06/1979 | 030079010841 | Việt Nam | Nam | 01/06/2016 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Kế toán             |
| 86 | Đồng Thị Khánh Ly    | 20/05/1997 | 030197003148 | Việt Nam | Nữ  | 01/01/2022 | HĐLĐ xác định thời hạn       |  | Đại học | Giáo dục Tiểu học   |
| 87 | Nguyễn Thị Thanh Tâm | 27/05/1977 | 030177014630 | Việt Nam | Nữ  | 01/12/2001 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Văn học Việt Nam    |
| 88 | Phạm Quang Thịnh     | 13/05/1979 | 030079028051 | Việt Nam | Nam | 01/01/2012 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Tiến sĩ | Kế toán             |
| 89 | Phạm Thị Oanh        | 02/05/1977 | 030177017913 | Việt Nam | Nữ  | 01/09/1998 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Tiến sĩ | Giáo dục học        |
| 90 | Phan Đình Trung      | 04/11/1982 | 030082010572 | Việt Nam | Nam | 01/08/2012 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Kỹ thuật viễn thông |
| 91 | Phạm Thị Thu Thủy    | 10/12/1977 | 030177007120 | Việt Nam | Nữ  | 10/09/2000 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Tiến sĩ | Ngôn ngữ Việt Nam   |
| 92 | Đoàn Thị Phương      | 13/07/1986 | 030186010727 | Việt Nam | Nữ  | 01/06/2016 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Khoa học máy tính   |
| 93 | Vũ Thị Thu Trang     | 17/09/1979 | 030179015535 | Việt Nam | Nữ  | 01/11/2021 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Tâm lý học          |

|     |                       |            |              |          |     |            |                              |             |         |                                    |
|-----|-----------------------|------------|--------------|----------|-----|------------|------------------------------|-------------|---------|------------------------------------|
| 94  | Nguyễn Thị Ánh Tuyết  | 19/02/1982 | 030182010342 | Việt Nam | Nữ  | 15/12/2006 | HĐLĐ không xác định thời hạn |             | Thạc sĩ | Âm nhạc học                        |
| 95  | Vũ Quốc Vững          | 19/02/1976 | 030076007132 | Việt Nam | Nam | 01/05/2012 | HĐLĐ không xác định thời hạn |             | Thạc sĩ | Kế toán                            |
| 96  | Đoàn Văn Hải          | 06/12/1982 | 030082004646 | Việt Nam | Nam | 01/01/2012 | HĐLĐ không xác định thời hạn |             | Thạc sĩ | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa |
| 97  | Đỗ Thị Nguyệt Quế     | 05/07/1975 | 030175004326 | Việt Nam | Nữ  | 01/05/2005 | HĐLĐ không xác định thời hạn |             | Đại học | Toán học                           |
| 98  | Nguyễn Thị Loan       | 11/12/1980 | 030180003296 | Việt Nam | Nữ  | 01/10/2003 | HĐLĐ không xác định thời hạn |             | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin                |
| 99  | Đặng Thị Hồng Doan    | 07/02/1970 | 033170000017 | Việt Nam | Nữ  | 20/08/1998 | HĐLĐ không xác định thời hạn |             | Thạc sĩ | Giáo dục học                       |
| 100 | Chu Tiến Quang        | 13/10/1954 | 001054008765 | Việt Nam | Nam | 01/08/2017 | HĐLĐ không xác định thời hạn | Phó giáo sư | Tiến sĩ | Kinh tế nông nghiệp                |
| 101 | Bùi Hương Huế         | 15/10/1991 | 030191008159 | Việt Nam | Nữ  | 15/08/2020 | HĐLĐ không xác định thời hạn |             | Thạc sĩ | Giáo dục học                       |
| 102 | Nguyễn Thị Hồng Nhung | 24/04/1984 | 030184009878 | Việt Nam | Nữ  | 01/06/2016 | HĐLĐ không xác định thời hạn |             | Đại học | Kế toán                            |
| 103 | Phạm Thị An           | 03/10/1984 | 030184012585 | Việt Nam | Nữ  | 25/11/2021 | HĐLĐ không xác định thời hạn |             | Thạc sĩ | Kinh tế học                        |
| 104 | Tạ Thị Chuyên         | 28/10/1984 | 030184010112 | Việt Nam | Nữ  | 15/01/2016 | HĐLĐ không xác định thời hạn |             | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh                |
| 105 | Bùi Văn Minh          | 04/03/1968 | 001068040034 | Việt Nam | Nam | 12/07/2001 | HĐLĐ không xác định thời hạn |             | Thạc sĩ | Triết học                          |
| 106 | Phạm Thành Đông       | 11/03/1974 | 030074020029 | Việt Nam | Nam | 14/09/1998 | HĐLĐ không xác định thời hạn |             | Thạc sĩ | Giáo dục học                       |
| 107 | Nguyễn Thị Lan Phương | 28/01/1988 | 030188007162 | Việt Nam | Nữ  | 15/01/2016 | HĐLĐ không xác định thời hạn |             | Thạc sĩ | Kinh tế học                        |
| 108 | Phạm Văn Khoa         | 07/12/1982 | 030082020904 | Việt Nam | Nam | 01/08/2016 | HĐLĐ không xác định thời hạn |             | Thạc sĩ | Kỹ thuật điện                      |
| 109 | Vũ Thị Hoạch          | 02/05/1975 | 030175003011 | Việt Nam | Nữ  | 01/02/1999 | HĐLĐ không xác định thời hạn |             | Thạc sĩ | Toán học                           |

|     |                    |            |              |          |     |            |                              |  |         |                                |
|-----|--------------------|------------|--------------|----------|-----|------------|------------------------------|--|---------|--------------------------------|
| 110 | Tô Văn Sông        | 16/06/1967 | 030067005406 | Việt Nam | Nam | 24/05/1995 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Tiến sĩ | Triết học                      |
| 111 | Vũ Thị Nga         | 08/03/1980 | 030180017087 | Việt Nam | Nữ  | 02/12/2005 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Giáo dục học                   |
| 112 | Vũ Thị Kim Nhung   | 30/10/1981 | 030181011153 | Việt Nam | Nữ  | 01/11/2012 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Tiến sĩ |                                |
| 113 | Trần Thị Diệp      | 01/05/1975 | 026175005482 | Việt Nam | Nữ  | 01/02/1999 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Kỹ thuật vật liệu              |
| 114 | Phạm Thị Hương     | 02/06/1989 | 030189016944 | Việt Nam | Nữ  | 15/01/2016 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Kinh tế học                    |
| 115 | Nguyễn Phong Lan   | 23/08/1984 | 030184014116 | Việt Nam | Nữ  | 01/09/2009 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Đại học | Thông tin - thư viện           |
| 116 | Nguyễn Thị Mỹ Hạnh | 06/08/1976 | 030176008466 | Việt Nam | Nữ  | 01/01/2000 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Tiến sĩ | Giáo dục học                   |
| 117 | Phạm Thị Trang     | 25/12/1987 | 030187000374 | Việt Nam | Nữ  | 02/01/2023 | HĐLĐ xác định thời hạn       |  | Tiến sĩ | Toán học                       |
| 118 | Hà Thành Chung     | 14/12/1963 | 019063000099 | Việt Nam | Nam | 01/01/2022 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Tiến sĩ |                                |
| 119 | Vũ Thị Thảo        | 11/11/1982 | 014182010274 | Việt Nam | Nữ  | 01/06/2016 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Toán học                       |
| 120 | Phan Nhật Thanh    | 01/02/1980 | 030080005229 | Việt Nam | Nam | 01/09/2024 | HĐLĐ xác định thời hạn       |  | Tiến sĩ | Kinh tế quốc tế                |
| 121 | Nguyễn Văn Khải    | 05/03/1962 | 030062005824 | Việt Nam | Nam | 01/10/2024 | HĐLĐ xác định thời hạn       |  | Thạc sĩ | Lý luận và phương pháp dạy học |
| 122 | Nguyễn Thị Thảo    | 15/09/1984 | 033184013503 | Việt Nam | Nữ  | 01/01/2010 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh            |
| 123 | Vũ Thị Cúc         | 21/07/1989 | 030189016588 | Việt Nam | Nữ  | 15/01/2016 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Triết học                      |
| 124 | Nguyễn Thị Hường   | 08/07/1988 | 030188006862 | Việt Nam | Nữ  | 22/11/2021 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh            |
| 125 | Vương Thị Vân      | 07/11/1988 | 030188005487 | Việt Nam | Nữ  | 01/09/2024 | HĐLĐ xác định thời hạn       |  | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh            |

|     |                    |            |              |          |     |            |                              |  |         |                                |
|-----|--------------------|------------|--------------|----------|-----|------------|------------------------------|--|---------|--------------------------------|
| 126 | Tạ Thị Thúy Ngân   | 19/03/1972 | 033172010028 | Việt Nam | Nữ  | 30/08/1996 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Tiến sĩ | Giáo dục học                   |
| 127 | Phùng Thị Lược     | 22/02/1990 | 030190025692 | Việt Nam | Nữ  | 09/04/2024 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ |                                |
| 128 | Phạm Thị Duyệt     | 18/05/1985 | 030185010851 | Việt Nam | Nữ  | 01/06/2016 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Kinh tế học                    |
| 129 | Vũ Thị Nguyễn      | 10/09/1985 | 030185009523 | Việt Nam | Nữ  | 30/12/2021 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Chăn nuôi                      |
| 130 | Nguyễn Thị Ngọc    | 17/05/1986 | 030186000705 | Việt Nam | Nữ  | 01/06/2016 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Kinh tế học                    |
| 131 | Vũ Thị Phượng      | 10/11/1991 | 030191000426 | Việt Nam | Nữ  | 01/05/2022 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Đại học | Kế toán                        |
| 132 | Phạm Văn Đổ        | 15/03/1983 | 030083012839 | Việt Nam | Nam | 01/09/2017 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Giáo dục học                   |
| 133 | Dương Hồng Nhung   | 03/08/1984 | 030184007737 | Việt Nam | Nữ  | 01/01/2010 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Kế toán                        |
| 134 | Phạm Thị Thu Hằng  | 25/08/1987 | 030187021812 | Việt Nam | Nữ  | 01/01/2011 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Tiến sĩ | Lý luận và phương pháp dạy học |
| 135 | Luyện Thị Minh Thu | 02/04/1983 | 030183024380 | Việt Nam | Nữ  | 01/09/2008 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Tiến sĩ | Lý luận và phương pháp dạy học |
| 136 | Phạm Hồng Quân     | 22/04/1979 | 030079001183 | Việt Nam | Nam | 01/01/2023 | HĐLĐ xác định thời hạn       |  | Tiến sĩ |                                |
| 137 | Lương Minh Huệ     | 05/12/1983 | 030183019426 | Việt Nam | Nữ  | 31/05/2024 | HĐLĐ xác định thời hạn       |  | Thạc sĩ | Quản lý du lịch bền vững       |
| 138 | Nguyễn Ngọc Viên   | 15/05/1979 | 030079008316 | Việt Nam | Nam | 25/11/2021 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Toán học                       |
| 139 | Nguyễn Xuân Trường | 08/07/1976 | 030076001841 | Việt Nam | Nam | 01/01/2015 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Kinh tế nông nghiệp            |
| 140 | Nguyễn Mạnh Tuấn   | 10/10/1980 | 030080013918 | Việt Nam | Nam | 01/10/2011 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Luật kinh tế                   |
| 141 | Khuong Thị Thuỷ    | 27/11/1977 | 030177000818 | Việt Nam | Nữ  | 01/06/2016 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Trung Quốc            |

|     |                        |            |              |          |     |            |                              |  |         |                                    |
|-----|------------------------|------------|--------------|----------|-----|------------|------------------------------|--|---------|------------------------------------|
| 142 | Phạm Thị Lương         | 17/09/1976 | 030176011346 | Việt Nam | Nữ  | 01/02/1999 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Hoá học                            |
| 143 | Nguyễn Thị Tuyết Nhung | 04/08/1976 | 030176008343 | Việt Nam | Nữ  | 16/10/2006 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin                |
| 144 | Lê Thị Nụ              | 13/05/1984 | 030184004170 | Việt Nam | Nữ  | 01/06/2016 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa |
| 145 | Đỗ Thị Thúy Hương      | 02/07/1982 | 030182000921 | Việt Nam | Nữ  | 01/01/2012 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Kinh tế học                        |
| 146 | Phạm Thị Hà Trang      | 26/10/1983 | 030183019198 | Việt Nam | Nữ  | 01/08/2014 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin                |
| 147 | Đào Thị Tuyết Thanh    | 31/07/1979 | 030179021400 | Việt Nam | Nữ  | 01/10/2011 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Toán học                           |
| 148 | Vũ Đức Lễ              | 24/02/1964 | 030064019141 | Việt Nam | Nam | 20/08/1993 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Tiến sĩ | Quản lý khoa học và công nghệ      |
| 149 | Đoàn Thị Kiều Dung     | 18/03/1979 | 030179002463 | Việt Nam | Nữ  | 01/03/2003 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Đại học | Công nghệ thông tin                |
| 150 | Nguyễn Ngọc Cương      | 21/08/1979 | 001079036328 | Việt Nam | Nam | 25/11/2021 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ |                                    |
| 151 | Lê Thị Bắc             | 24/11/1980 | 030180009388 | Việt Nam | Nữ  | 12/01/2008 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin                |
| 152 | Vũ Hồng Kiên           | 08/11/1976 | 030076000709 | Việt Nam | Nam | 01/01/2015 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Đại học | Tài chính và Kế toán               |
| 153 | Đặng Thu Trang         | 20/11/1977 | 030177013336 | Việt Nam | Nữ  | 10/12/2021 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Anh                       |
| 154 | Nguyễn Thị Thanh Hoa   | 13/08/1979 | 030179018111 | Việt Nam | Nữ  | 01/08/2014 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Tiến sĩ | Lịch sử Việt Nam                   |
| 155 | Bùi Văn Lợi            | 12/08/1969 | 030069013635 | Việt Nam | Nam | 01/08/2001 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Công tác xã hội                    |
| 156 | Nguyễn Quốc Long       | 25/10/1974 | 030074007038 | Việt Nam | Nam | 01/06/2016 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Đại học | Kỹ thuật xây dựng                  |
| 157 | Nguyễn Văn Thịnh       | 09/11/1971 | 038071025297 | Việt Nam | Nam | 01/11/2022 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Đại học | Kế toán                            |

|     |                      |            |              |          |     |            |                              |  |         |                             |
|-----|----------------------|------------|--------------|----------|-----|------------|------------------------------|--|---------|-----------------------------|
| 158 | Đinh Thị Trung Hiếu  | 02/03/1982 | 064182000020 | Việt Nam | Nữ  | 22/11/2021 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Kỹ thuật điện               |
| 159 | Phạm Thị Hoà         | 27/09/1989 | 030189004062 | Việt Nam | Nữ  | 01/06/2016 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Quản lý xây dựng            |
| 160 | Nguyễn Thị Thanh Tâm | 13/10/1988 | 030188022894 | Việt Nam | Nữ  | 01/08/2011 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin         |
| 161 | Nguyễn Thị Hòa       | 22/09/1984 | 030184012995 | Việt Nam | Nữ  | 25/11/2021 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin         |
| 162 | Vũ Văn Hoàng         | 22/08/1987 | 030087002927 | Việt Nam | Nam | 01/06/2016 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Kỹ thuật điện               |
| 163 | Nguyễn Thị Toan      | 02/06/1980 | 030180017791 | Việt Nam | Nữ  | 01/10/2011 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ |                             |
| 164 | Phạm Tuyên           | 23/11/1977 | 030077001062 | Việt Nam | Nam | 01/07/2024 | HĐLĐ xác định thời hạn       |  | Đại học | Kỹ thuật điện               |
| 165 | Nguyễn Văn Diễn      | 15/04/1976 | 030076014632 | Việt Nam | Nam | 01/09/2007 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Sinh học                    |
| 166 | Lương Thế Dũng       | 01/06/1973 | 030073019487 | Việt Nam | Nam | 07/09/2007 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Quản lý công nghệ thông tin |
| 167 | Hoàng Thị Ngát       | 13/01/1982 | 030182007383 | Việt Nam | Nữ  | 15/12/2007 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Triết học                   |
| 168 | Cao Thị Thu Phương   | 28/06/1986 | 030186001052 | Việt Nam | Nữ  | 01/08/2014 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Kế toán                     |
| 169 | Nguyễn Thị Đào       | 07/07/1975 | 030175028938 | Việt Nam | Nữ  | 10/02/1999 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Tiến sĩ | Kế toán                     |
| 170 | Nguyễn Văn Khánh     | 18/07/1992 | 030092008032 | Việt Nam | Nam | 20/05/2018 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Đại học | Kế toán                     |
| 171 | Trần Thị Thanh Loan  | 04/06/1978 | 030178018793 | Việt Nam | Nữ  | 25/11/2021 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Kinh tế học                 |
| 172 | Tiêu Thị Thu Thủy    | 28/04/1980 | 030180006734 | Việt Nam | Nữ  | 01/06/2016 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ |                             |
| 173 | Đặng Thị Phương Thủy | 29/05/1997 | 030197000613 | Việt Nam | Nữ  | 01/09/2024 | HĐLĐ xác định thời hạn       |  | Đại học | Toán học                    |

|     |                       |            |              |          |     |            |                              |  |         |                     |
|-----|-----------------------|------------|--------------|----------|-----|------------|------------------------------|--|---------|---------------------|
| 174 | Phạm Thị Thêu         | 16/07/1983 | 030183067093 | Việt Nam | Nữ  | 01/06/2016 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ |                     |
| 175 | Đàm Đức Nhật          | 29/09/1996 | 030096002815 | Việt Nam | Nam | 01/05/2022 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Đại học | Công nghệ thông tin |
| 176 | Nguyễn Đức Hiền       | 23/11/1975 | 030075005243 | Việt Nam | Nam | 01/08/2016 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Đại học | Kinh tế vận tải     |
| 177 | Nguyễn Ngọc Anh       | 01/11/1985 | 035185003848 | Việt Nam | Nữ  | 01/06/2016 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Kế toán             |
| 178 | Đinh Trọng Toàn       | 22/07/1984 | 030084014421 | Việt Nam | Nam | 01/01/2022 | HĐLĐ xác định thời hạn       |  | Thạc sĩ | Kỹ thuật cơ điện tử |
| 179 | Phạm Thị Thanh        | 02/11/1984 | 030184012994 | Việt Nam | Nữ  | 01/06/2016 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 180 | Lê Thị Sinh           | 27/02/1978 | 030178012112 | Việt Nam | Nữ  | 20/12/2001 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 181 | Nguyễn Thị Hồng Vân   | 26/01/1975 | 033175004460 | Việt Nam | Nữ  | 01/02/1999 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Mỹ thuật tạo hình   |
| 182 | Nguyễn Văn Viết       | 07/09/1979 | 030079028216 | Việt Nam | Nam | 10/01/2010 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Tiến sĩ | Sinh học            |
| 183 | Phạm Văn Quang        | 29/09/1980 | 030080015831 | Việt Nam | Nam | 20/08/2015 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 184 | Bùi Thị Ngọc          | 28/07/1987 | 030187009843 | Việt Nam | Nữ  | 01/10/2009 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ |                     |
| 185 | Nguyễn Thị Ánh Nguyệt | 02/05/1987 | 030187001077 | Việt Nam | Nữ  | 01/06/2016 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Kinh tế học         |
| 186 | Hoàng Thị Huyền       | 15/04/1985 | 030185013070 | Việt Nam | Nữ  | 01/06/2016 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Kế toán             |
| 187 | Trịnh Tổ Hoan         | 20/12/1982 | 030082001528 | Việt Nam | Nam | 01/08/2014 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Toán học            |
| 188 | Nguyễn Đình Hà        | 13/05/1979 | 033079000700 | Việt Nam | Nam | 01/04/2017 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 189 | Đỗ Quốc Vương         | 07/09/1984 | 030084010399 | Việt Nam | Nam | 01/05/2022 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Giáo dục học        |

|     |                          |            |              |          |     |            |                              |  |         |                               |
|-----|--------------------------|------------|--------------|----------|-----|------------|------------------------------|--|---------|-------------------------------|
| 190 | Nguyễn Thị Thanh Huyền   | 26/07/1983 | 030183002073 | Việt Nam | Nữ  | 01/06/2010 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Văn học                       |
| 191 | Nguyễn Văn Khánh         | 12/10/1997 | 030197014967 | Việt Nam | Nữ  | 01/03/2020 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Đại học | Sư phạm Vật lý                |
| 192 | Phạm Thị Na              | 23/02/1983 | 030183000675 | Việt Nam | Nữ  | 01/01/2013 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh           |
| 193 | Phạm Thị Huế             | 06/05/1985 | 030185006907 | Việt Nam | Nữ  | 01/06/2016 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Kế toán                       |
| 194 | Lê Lan Anh               | 20/08/1997 | 030197002135 | Việt Nam | Nữ  | 01/01/2025 | HĐLĐ xác định thời hạn       |  | Đại học | Ngôn ngữ Anh                  |
| 195 | Phạm Thị Thảo            | 25/09/1982 | 030182001798 | Việt Nam | Nữ  | 30/12/2021 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Kế toán                       |
| 196 | Trương Thị Thùy Anh      | 16/12/1996 | 030196005261 | Việt Nam | Nữ  | 01/03/2020 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Đại học | Sư phạm Hoá học               |
| 197 | Nghiêm Thị Thùy Dương    | 30/01/1987 | 030187013679 | Việt Nam | Nữ  | 01/03/2010 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Giáo dục học                  |
| 198 | Vũ Thị Ngọc Uyên         | 20/07/1974 | 030174002511 | Việt Nam | Nữ  | 01/10/1997 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Giáo dục học                  |
| 199 | Nguyễn Thị Xoan          | 01/06/1987 | 030187009449 | Việt Nam | Nữ  | 01/06/2016 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin           |
| 200 | Bùi Thị Kim Oanh         | 03/09/1983 | 030183011261 | Việt Nam | Nữ  | 01/06/2006 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Chăn nuôi                     |
| 201 | Lê Bách Ngọc             | 30/04/1976 | 030076003627 | Việt Nam | Nam | 02/01/2013 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Đại học | Giáo dục Quốc phòng - An ninh |
| 202 | Nguyễn Thị Thương Thương | 26/12/1981 | 030181005772 | Việt Nam | Nữ  | 01/06/2016 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Kế toán                       |
| 203 | Nguyễn Hữu Thịnh         | 10/10/1971 | 030071021408 | Việt Nam | Nam | 02/05/2004 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Đại học | Tin học và kỹ thuật máy tính  |
| 204 | Dương Thị Toàn           | 08/06/1980 | 030180011299 | Việt Nam | Nữ  | 02/12/2005 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ |                               |
| 205 | Vũ Hoài Thu              | 13/10/1974 | 030174000632 | Việt Nam | Nữ  | 01/01/1997 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Tiến sĩ | Ngôn ngữ học                  |



|     |                    |            |              |          |     |            |                              |  |         |                               |
|-----|--------------------|------------|--------------|----------|-----|------------|------------------------------|--|---------|-------------------------------|
| 206 | Bùi Văn Quân       | 12/03/1961 | 019161004811 | Việt Nam | Nam | 01/12/2024 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Tiến sĩ |                               |
| 207 | Tiêu Công Vũ       | 16/04/1982 | 030082010636 | Việt Nam | Nam | 01/06/2016 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Quản lý khoa học và công nghệ |
| 208 | Phạm Thị Hiền      | 24/07/1983 | 030183003081 | Việt Nam | Nữ  | 01/06/2016 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Đại học | Giáo dục Mầm non              |
| 209 | Nguyễn Thị Dung    | 07/11/1980 | 030180019445 | Việt Nam | Nữ  | 01/08/2010 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Kế toán                       |
| 210 | Bùi Thị Na         | 16/03/1989 | 030189003354 | Việt Nam | Nữ  | 01/01/2022 | HĐLĐ xác định thời hạn       |  | Đại học | Giáo dục Mầm non              |
| 211 | Phạm Thị Oanh      | 14/01/1978 | 040178008341 | Việt Nam | Nữ  | 30/12/2021 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Kinh tế học                   |
| 212 | Phạm Thị My        | 02/09/1986 | 030186006950 | Việt Nam | Nữ  | 01/08/2016 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Toán học                      |
| 213 | Vũ Quốc Tuấn       | 08/06/1982 | 030082003453 | Việt Nam | Nam | 01/01/2006 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Tiến sĩ | Toán học                      |
| 214 | Đặng Thị Lan Anh   | 27/11/1981 | 030181002593 | Việt Nam | Nữ  | 01/07/2022 | HĐLĐ xác định thời hạn       |  | Tiến sĩ | Văn học Việt Nam              |
| 215 | Nguyễn Xuân Lai    | 31/10/1962 | 033062009325 | Việt Nam | Nam | 08/01/2024 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Tiến sĩ | Toán học                      |
| 216 | Nguyễn Hữu Thái    | 04/06/1985 | 030085003556 | Việt Nam | Nam | 01/01/2012 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Giáo dục học                  |
| 217 | Nguyễn Phương Bình | 07/04/1975 | 030075001874 | Việt Nam | Nam | 01/01/2007 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Đại học | Âm nhạc học                   |
| 218 | Phạm Hồng Thom     | 23/08/1984 | 030184002373 | Việt Nam | Nữ  | 01/06/2016 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Kinh tế học                   |
| 219 | Trần Vũ            | 05/11/1987 | 030087005824 | Việt Nam | Nam | 01/01/2015 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Kỹ thuật cơ điện tử           |
| 220 | Nguyễn Thị Thương  | 08/11/1977 | 030177002794 | Việt Nam | Nữ  | 02/10/2000 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Văn học                       |
| 221 | Nguyễn Văn Quang   | 15/08/1988 | 030088008909 | Việt Nam | Nữ  | 01/01/2022 | HĐLĐ xác định thời hạn       |  | Đại học | Giáo dục học                  |

|     |                        |            |              |          |     |            |                              |             |         |                                |
|-----|------------------------|------------|--------------|----------|-----|------------|------------------------------|-------------|---------|--------------------------------|
| 222 | Hồ Thị Thuý            | 07/04/1978 | 030178011973 | Việt Nam | Nữ  | 01/10/2011 | HĐLĐ không xác định thời hạn |             | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh            |
| 223 | Phạm Thị Yên           | 14/08/1974 | 030174003882 | Việt Nam | Nữ  | 18/06/1999 | HĐLĐ không xác định thời hạn |             | Thạc sĩ | Kinh tế học                    |
| 224 | Nguyễn Thị Thu Hà      | 04/03/1977 | 030177018186 | Việt Nam | Nữ  | 01/09/2000 | HĐLĐ không xác định thời hạn |             | Tiến sĩ | Lý luận và phương pháp dạy học |
| 225 | Bùi Thị Thắm           | 19/08/1985 | 030185024082 | Việt Nam | Nữ  | 01/01/2015 | HĐLĐ không xác định thời hạn |             | Thạc sĩ | Chăn nuôi – thú y              |
| 226 | Nguyễn Thị Thúy Hạnh   | 11/04/1981 | 025181010892 | Việt Nam | Nữ  | 01/06/2016 | HĐLĐ không xác định thời hạn |             | Thạc sĩ |                                |
| 227 | Vũ Văn Cát             | 10/01/1969 | 001069023659 | Việt Nam | Nam | 28/11/2023 | HĐLĐ không xác định thời hạn |             | Tiến sĩ | Khoa học vật liệu              |
| 228 | Nguyễn Thị Tím Huế     | 17/11/1979 | 030179008513 | Việt Nam | Nữ  | 02/12/2005 | HĐLĐ không xác định thời hạn |             | Tiến sĩ | Tâm lý học                     |
| 229 | Nguyễn Thị Thanh Hương | 27/07/1986 | 030186002145 | Việt Nam | Nữ  | 01/03/2011 | HĐLĐ không xác định thời hạn |             | Thạc sĩ | Kế toán                        |
| 230 | Vũ Thị Thảo            | 27/07/1983 | 034183026511 | Việt Nam | Nữ  | 30/12/2021 | HĐLĐ không xác định thời hạn |             | Thạc sĩ | Sư phạm Kỹ thuật Điện          |
| 231 | Nguyễn Thị Thu Hà      | 13/10/1976 | 030176018446 | Việt Nam | Nữ  | 10/02/1999 | HĐLĐ không xác định thời hạn |             | Tiến sĩ | Toán học                       |
| 232 | Trương Thị Hồng Diệp   | 30/01/1981 | 030181013674 | Việt Nam | Nữ  | 01/10/2003 | HĐLĐ không xác định thời hạn |             | Thạc sĩ | Quản lý giáo dục               |
| 233 | Vũ Hoài An             | 20/10/1960 | 030060003329 | Việt Nam | Nam | 01/01/2025 | HĐLĐ xác định thời hạn       |             | Tiến sĩ | Toán học                       |
| 234 | Phạm Đức Bình          | 21/11/1957 | 030057004675 | Việt Nam | Nam | 01/06/2024 | HĐLĐ xác định thời hạn       | Phó giáo sư | Tiến sĩ | Kế toán                        |
| 235 | Vũ Thái Hưng           | 31/12/2010 | 022081006604 | Việt Nam | Nam | 01/09/2024 | HĐLĐ xác định thời hạn       |             | Tiến sĩ | Kỹ thuật viễn thông            |
| 236 | Nguyễn Kim Hùng        | 16/09/1995 | 030095006258 | Việt Nam | Nam | 01/01/2022 | HĐLĐ xác định thời hạn       |             | Đại học | Toán học                       |
| 237 | Ngô Thị Trang          | 24/11/1996 | 030196000649 | Việt Nam | Nữ  | 01/01/2022 | HĐLĐ không xác định thời hạn |             | Đại học | Sư phạm Toán học               |

|     |                   |            |              |          |     |            |                              |  |         |                                |
|-----|-------------------|------------|--------------|----------|-----|------------|------------------------------|--|---------|--------------------------------|
| 238 | Nguyễn Thị Thu Hà | 16/02/1988 | 030188007523 | Việt Nam | Nữ  | 01/10/2023 | HĐLĐ xác định thời hạn       |  | Tiến sĩ | Tài chính - Ngân hàng          |
| 239 | Nguyễn Thị Thắm   | 20/06/1982 | 030182020501 | Việt Nam | Nữ  | 01/06/2016 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam |
| 240 | Lê Quang Tinh     | 11/01/1979 | 030079014761 | Việt Nam | Nam | 01/01/2012 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Khoa học máy tính              |
| 241 | Phạm Thị Hòa      | 05/01/1977 | 030177012781 | Việt Nam | Nữ  | 01/05/2010 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Tiến sĩ | Sinh học                       |
| 242 | Nguyễn Đức Thọ    | 25/01/1985 | 030085004269 | Việt Nam | Nam | 01/07/2009 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh            |
| 243 | Đào Tiên Trí      | 05/10/1971 | 030071014753 | Việt Nam | Nam | 26/08/1994 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Đại học | Âm nhạc học                    |
| 244 | Nguyễn Thị Thìn   | 22/12/1976 | 019176015263 | Việt Nam | Nữ  | 01/03/2003 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Quản lý kinh tế                |
| 245 | Phạm Thị Thanh    | 12/01/1984 | 030184003638 | Việt Nam | Nữ  | 01/01/2023 | HĐLĐ xác định thời hạn       |  | Đại học | Kế toán                        |
| 246 | Tăng Xuân Hùng    | 31/07/1976 | 030076004474 | Việt Nam | Nam | 22/11/2021 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Lịch sử thế giới               |
| 247 | Nguyễn Thị Tâm    | 16/05/1982 | 038182039061 | Việt Nam | Nữ  | 01/07/2024 | HĐLĐ xác định thời hạn       |  | Đại học | Kế toán                        |
| 248 | Nguyễn Thị Thắm   | 03/12/1981 | 030181014126 | Việt Nam | Nữ  | 01/01/2012 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Chính trị học                  |
| 249 | Phạm Ngọc Hoa     | 27/05/1976 | 030176007589 | Việt Nam | Nữ  | 01/02/1999 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Tiến sĩ | Toán học                       |
| 250 | Đàm Văn Bắc       | 02/01/1969 | 030069006958 | Việt Nam | Nam | 01/11/2006 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Tiến sĩ | Địa lý học                     |
| 251 | Đào Thị Lan Anh   | 06/01/1982 | 030182017441 | Việt Nam | Nữ  | 01/06/2016 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Kinh tế học                    |
| 252 | Đặng Thị Tứ       | 07/08/1971 | 030171008300 | Việt Nam | Nữ  | 01/03/2011 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Đại học | Giáo dục Tiểu học              |
| 253 | Cao Thị Thu Hằng  | 03/03/1969 | 030169002364 | Việt Nam | Nữ  | 01/12/1993 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Giáo dục học                   |

|     |                      |            |              |          |     |            |                              |  |         |                       |
|-----|----------------------|------------|--------------|----------|-----|------------|------------------------------|--|---------|-----------------------|
| 254 | Nguyễn Thị Lại       | 26/01/1986 | 030186006793 | Việt Nam | Nữ  | 01/05/2011 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Triết học             |
| 255 | Đỗ Thanh Huyền       | 14/06/1988 | 030188006258 | Việt Nam | Nữ  | 01/06/2016 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Kinh tế chính trị     |
| 256 | Đồng Thị Yến         | 15/05/1988 | 030188000569 | Việt Nam | Nữ  | 10/04/2012 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Tiến sĩ | Tâm lý học            |
| 257 | Nguyễn Thị Thảo      | 24/03/1986 | 030186012480 | Việt Nam | Nữ  | 01/01/2010 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Quản lý kinh tế       |
| 258 | Nguyễn Thị Yến       | 02/06/1989 | 030189012824 | Việt Nam | Nữ  | 15/01/2016 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Du lịch               |
| 259 | Nguyễn Văn Thắng     | 06/09/1983 | 030083008467 | Việt Nam | Nam | 10/11/2011 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Kỹ thuật cơ điện tử   |
| 260 | Nguyễn Thị Hải Yến   | 14/05/1995 | 030195001424 | Việt Nam | Nữ  | 01/12/2022 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Đại học | Sư phạm Ngữ văn       |
| 261 | Lê Thị Hoài Linh     | 13/12/1978 | 030178016472 | Việt Nam | Nữ  | 06/09/2000 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Kinh tế học           |
| 262 | Lê Sỹ Cương          | 10/02/1960 | 030060001547 | Việt Nam | Nam | 01/09/2024 | HĐLĐ xác định thời hạn       |  | Tiến sĩ | Nông nghiệp           |
| 263 | Lê Thị Hà Anh        | 28/11/1983 | 030183020832 | Việt Nam | Nữ  | 10/12/2021 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Kế toán               |
| 264 | Vũ Thị Xuân          | 26/10/1985 | 030185009034 | Việt Nam | Nữ  | 01/06/2016 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Tài chính - Ngân hàng |
| 265 | Đỗ Thị Tuyết         | 01/01/1984 | 030183008552 | Việt Nam | Nữ  | 01/08/2016 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Kế toán               |
| 266 | Ngô Thị Giang        | 01/11/1988 | 030188010139 | Việt Nam | Nữ  | 01/08/2018 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Đại học | Sư phạm Toán học      |
| 267 | Trịnh Thị Thanh Loan | 29/12/1980 | 030180020313 | Việt Nam | Nữ  | 01/10/2021 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Kế toán               |
| 268 | Tạ Thị Thanh Thuỷ    | 19/08/1989 | 030189007775 | Việt Nam | Nữ  | 01/06/2016 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Lưu trữ học           |
| 269 | Nguyễn Thu Loan      | 21/11/1986 | 030186010371 | Việt Nam | Nữ  | 27/02/2010 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Giáo dục học          |

|     |                        |            |              |          |     |            |                              |  |         |                                    |
|-----|------------------------|------------|--------------|----------|-----|------------|------------------------------|--|---------|------------------------------------|
| 270 | Đặng Thị Trà My        | 21/07/1973 | 030173004498 | Việt Nam | Nữ  | 20/05/1995 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Triết học                          |
| 271 | Dương Thị Bích Hạnh    | 26/10/1976 | 030176009472 | Việt Nam | Nữ  | 01/02/1999 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Tiến sĩ | Ngôn ngữ Việt Nam                  |
| 272 | Nguyễn Đức Toàn        | 21/11/1981 | 030081000548 | Việt Nam | Nam | 10/01/2011 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Tiến sĩ | Ngôn ngữ Việt Nam                  |
| 273 | Vũ Thị Nhung           | 12/06/1979 | 030179005786 | Việt Nam | Nữ  | 01/05/2012 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Anh                       |
| 274 | Lê Thị Thương          | 25/08/1980 | 030180011169 | Việt Nam | Nữ  | 30/12/2021 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa |
| 275 | Nguyễn Thái Hưng       | 03/11/1976 | 030076008330 | Việt Nam | Nam | 01/02/1999 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Tiến sĩ | Giáo dục học                       |
| 276 | Nguyễn Thị Phương Dung | 05/02/1981 | 030181014641 | Việt Nam | Nữ  | 01/06/2016 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Kế toán                            |
| 277 | Vũ Văn Quang           | 20/06/1984 | 030084026301 | Việt Nam | Nam | 01/01/2008 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Đại học | Sư phạm Tin học                    |
| 278 | Vũ Thị Tuyết           | 27/05/1986 | 030186009781 | Việt Nam | Nữ  | 01/06/2016 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin                |
| 279 | Mạc Thị Độ             | 18/09/1975 | 030175027228 | Việt Nam | Nữ  | 01/08/2016 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Đại học | Luật                               |
| 280 | Vũ Thùy Nga            | 11/10/1963 | 030163021860 | Việt Nam | Nữ  | 01/11/2024 | HĐLĐ xác định thời hạn       |  | Tiến sĩ | Ngôn ngữ Việt Nam                  |
| 281 | Nguyễn Đức Bản         | 21/10/1980 | 030080004234 | Việt Nam | Nam | 10/10/2002 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Kinh tế nông nghiệp                |
| 282 | Nguyễn Thị Ngọc Hằng   | 04/12/1983 | 030183010449 | Việt Nam | Nữ  | 01/01/2008 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Giáo dục học                       |
| 283 | Tạ Thị Tuyết Anh       | 04/07/1986 | 030186002186 | Việt Nam | Nữ  | 01/06/2016 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Kế toán                            |
| 284 | Nguyễn Thị Hà          | 22/06/1985 | 030185017109 | Việt Nam | Nữ  | 01/01/2022 | HĐLĐ xác định thời hạn       |  | Đại học | Giáo dục Tiểu học                  |
| 285 | Phạm Thị Hiền          | 15/05/1983 | 030183001126 | Việt Nam | Nữ  | 30/12/2021 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Ngôn ngữ Anh                       |

|     |                       |            |              |          |     |            |                              |  |         |                                       |
|-----|-----------------------|------------|--------------|----------|-----|------------|------------------------------|--|---------|---------------------------------------|
| 286 | Nguyễn Thị Liên       | 07/01/1982 | 030182013874 | Việt Nam | Nữ  | 30/12/2021 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước |
| 287 | Nguyễn Thị Phương     | 21/12/1982 | 030182014242 | Việt Nam | Nữ  | 01/06/2016 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Kinh tế học                           |
| 288 | Nguyễn Phương Ngọc    | 19/01/1977 | 030177013617 | Việt Nam | Nữ  | 06/09/2000 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Tiến sĩ | Kinh tế học                           |
| 289 | Nguyễn Thị Phiên      | 08/11/1980 | 030180006258 | Việt Nam | Nữ  | 01/10/2011 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ |                                       |
| 290 | Nguyễn Thị Thu Hiền   | 27/08/1984 | 025184001362 | Việt Nam | Nữ  | 01/04/2011 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Tiến sĩ | Giáo dục học                          |
| 291 | Nguyễn Văn Quyên      | 20/08/1980 | 030080003727 | Việt Nam | Nam | 10/01/2010 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Tiến sĩ | Vi sinh vật học                       |
| 292 | Lưu Thị Lan           | 11/03/1986 | 030186017806 | Việt Nam | Nữ  | 01/01/2009 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ      |
| 293 | Nguyễn Thị Huệ Dung   | 09/02/2001 | 030301001478 | Việt Nam | Nữ  | 22/12/2024 | HĐLĐ xác định thời hạn       |  | Đại học | Ngôn ngữ Anh                          |
| 294 | Nguyễn Thị Phương Lan | 10/09/1989 | 030189017120 | Việt Nam | Nữ  | 22/06/2020 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Giáo dục học                          |
| 295 | Nguyễn Thị Thu Trang  | 22/02/1990 | 035190009857 | Việt Nam | Nữ  | 01/01/2015 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Kế toán                               |
| 296 | Vũ Thị Thương Huyền   | 23/10/1980 | 030180001446 | Việt Nam | Nữ  | 21/08/2017 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Kinh tế học                           |
| 297 | Trần Đức Hạnh         | 01/05/1982 | 033082004232 | Việt Nam | Nam | 01/01/2009 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Thạc sĩ | Mỹ thuật tạo hình                     |
| 298 | Đào Thị Hương         | 24/02/1983 | 030183002650 | Việt Nam | Nữ  | 01/09/2014 | HĐLĐ không xác định thời hạn |  | Đại học | Giáo dục Mầm non                      |

**2.1.1 Danh sách ngành đứng tên của đội ngũ giảng viên toàn thời gian: Trình độ đại học, cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non**

| STT | Họ và tên            | Ngày,tháng,năm sinh | Số CMTND/CCCD/hộ chiếu | Chuyên môn đào tạo  | Chức danh khoa học | Trình độ |
|-----|----------------------|---------------------|------------------------|---------------------|--------------------|----------|
| 1   | Trương Thị Thu Quỳnh | 17/03/1986          | 030186018248           | Quản trị kinh doanh |                    | Thạc sĩ  |
| 2   | Trần Thị Quý         | 03/03/1970          | 030170013708           | Kế toán             |                    | Đại học  |
| 3   | Vũ Thị Thảo          | 02/02/1986          | 030186010726           | Kinh tế học         |                    | Thạc sĩ  |
| 4   | Tăng Thế Toan        | 04/12/1976          | 030076017819           | Kỹ thuật điện tử    |                    | Tiến sĩ  |
| 5   | Trần Thị Diệu Loan   | 06/01/1988          | 030188004238           | Kế toán             |                    | Thạc sĩ  |
| 6   | Lê Đình Sơn          | 20/07/1962          | 030062005612           | Nông nghiệp         |                    | Tiến sĩ  |
| 7   | Trần Quốc Hưng       | 19/08/1980          | 030080020073           | Giáo dục học        |                    | Thạc sĩ  |
| 8   | Phan Thị Minh Thùy   | 13/10/1981          | 030181020998           | Kế toán             |                    | Đại học  |
| 9   | Lâm Thị Thoa         | 11/08/1981          | 034181009713           | Toán học            |                    | Thạc sĩ  |
| 10  | Nguyễn Thu Huyền     | 03/09/1985          | 030185005213           | Kinh tế học         |                    | Thạc sĩ  |
| 11  | Nguyễn Lam Kiều      | 27/10/2000          | 030300003818           | Sư phạm Tiếng Anh   |                    | Đại học  |
| 12  | Nguyễn Thị Lê        | 21/10/1978          | 030178014629           | Ngôn ngữ Trung Quốc |                    | Đại học  |
| 13  | Trần Thị Tuyền       | 09/01/1983          | 024183016025           | Triết học           |                    | Thạc sĩ  |
| 14  | Phạm Đức Kiểm        | 15/09/1983          | 030083014225           | Quản trị kinh doanh |                    | Thạc sĩ  |
| 15  | Bùi Thị Trang        | 04/01/1998          | 030198015022           | Giáo dục Mầm non    |                    | Đại học  |
| 16  | Bùi Hồng Đoàn        | 20/07/1983          | 030083022392           | Vật lý chất rắn     |                    | Thạc sĩ  |
| 17  | Trần Thị Ngoan       | 08/10/1984          | 030184005653           | Văn hoá học         |                    | Thạc sĩ  |
| 18  | Nguyễn Thị Thùy Linh | 22/03/1982          | 030182001274           | Kinh tế chính trị   |                    | Thạc sĩ  |

|    |                      |            |              |                                |  |         |
|----|----------------------|------------|--------------|--------------------------------|--|---------|
| 19 | Nguyễn Thị Quỳnh Nga | 28/04/1983 | 030183025572 | Kế toán                        |  | Thạc sĩ |
| 20 | Đinh Thị Mai Hương   | 15/07/1988 | 030188018688 | Tài chính - Ngân hàng          |  | Thạc sĩ |
| 21 | Trần Thị Oanh        | 04/05/1986 | 030186012213 | Ngôn ngữ Anh                   |  | Thạc sĩ |
| 22 | Nguyễn Thị Kim       | 23/01/1984 | 030184001675 | Kế toán                        |  | Thạc sĩ |
| 23 | Phạm Ngọc Anh        | 25/07/1988 | 030188002709 | Quản trị kinh doanh            |  | Thạc sĩ |
| 24 | Nguyễn Thị Hồng Gấm  | 20/01/1974 | 030174018075 | Giáo dục học                   |  | Tiến sĩ |
| 25 | Phùng Việt Phương    | 27/03/1980 | 012080004966 | Kinh tế học                    |  | Thạc sĩ |
| 26 | Đào Thuý Nga         | 18/08/1989 | 030189010510 | Quản trị kinh doanh            |  | Thạc sĩ |
| 27 | Vũ Thị Yên Nhi       | 16/07/1977 | 033177009629 | Giáo dục học                   |  | Tiến sĩ |
| 28 | Trần Doãn Khoa       | 18/04/1977 | 030077027512 | Quản lý giáo dục               |  | Thạc sĩ |
| 29 | Lê Thị Minh Anh      | 17/02/1977 | 030177002123 | Giáo dục học                   |  | Thạc sĩ |
| 30 | Vũ Thị Thảo          | 10/10/1988 | 030188021645 | Ngôn ngữ học                   |  | Tiến sĩ |
| 31 | Đặng Ngọc Anh        | 25/10/1980 | 022080003762 | Công nghệ thông tin            |  | Thạc sĩ |
| 32 | Phạm Thị Thu Trang   | 22/03/1988 | 022188001340 | Kế toán                        |  | Tiến sĩ |
| 33 | Nguyễn Thị Thu Uyên  | 30/09/1998 | 030198010747 | Giáo dục Mầm non               |  | Đại học |
| 34 | Trần Việt Dũng       | 20/12/1984 | 030084006260 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam |  | Thạc sĩ |
| 35 | Nguyễn Hoài Phương   | 12/10/1994 | 030194008670 | Công nghệ thông tin            |  | Đại học |
| 36 | Nguyễn Việt Cường    | 12/06/1976 | 024076019519 | Quản trị kinh doanh            |  | Tiến sĩ |
| 37 | Nguyễn Lê Thăng Long | 10/10/1984 | 001088402226 |                                |  | Tiến sĩ |
| 38 | Hà Thị Thu Hoài      | 27/04/1979 | 040179003795 | Quản lý xây dựng               |  | Thạc sĩ |
| 39 | Bùi Thị Hường        | 15/07/1997 | 030197008515 | Giáo dục Mầm non               |  | Đại học |
| 40 | Bùi Thị Bích Hạnh    | 20/10/1990 | 030190009425 | Quản trị văn phòng             |  | Đại học |



|    |                     |            |              |                            |  |         |
|----|---------------------|------------|--------------|----------------------------|--|---------|
| 41 | Bùi Hữu Tuấn        | 03/06/1982 | 030082007213 | Thông tin - thư viện       |  | Đại học |
| 42 | Lê Thị Hiến         | 02/02/1985 | 033185007690 |                            |  | Thạc sĩ |
| 43 | Nguyễn Tiến Phương  | 24/02/1977 | 025077010399 | Cơ sở toán học cho tin học |  | Tiến sĩ |
| 44 | Nguyễn Thị Tính     | 06/07/1984 | 030184010135 | Văn học                    |  | Thạc sĩ |
| 45 | Đỗ Thị Ngọc Tú      | 13/06/1977 | 030177013911 | Ngôn ngữ Anh               |  | Thạc sĩ |
| 46 | Nguyễn Thị Kim Thoa | 11/05/1980 | 030180002520 | Kế toán                    |  | Thạc sĩ |
| 47 | Nguyễn Văn Vươn     | 20/05/1982 | 030082002267 | Giáo dục Tiểu học          |  | Đại học |
| 48 | Nguyễn Thị Minh Hải | 04/06/1976 | 030176018297 | Tâm lý học                 |  | Thạc sĩ |
| 49 | Nguyễn Thanh Liêm   | 30/11/1980 | 030080014103 | Toán học                   |  | Thạc sĩ |
| 50 | Ngô Thị Kiều Trang  | 04/07/1986 | 030186009249 | Quản trị kinh doanh        |  | Thạc sĩ |
| 51 | Nguyễn Thị Bắc      | 08/06/1985 | 030185014362 | Tâm lý học                 |  | Thạc sĩ |
| 52 | Phạm Thị Tuyền      | 10/09/1977 | 030177018556 | Kế toán                    |  | Thạc sĩ |
| 53 | Vũ Thị Hương        | 29/08/1991 | 030191020215 | Luật kinh tế               |  | Thạc sĩ |
| 54 | Trần Thị Oanh       | 08/06/1981 | 034181006952 | Kỹ thuật cơ khí            |  | Thạc sĩ |
| 55 | Nguyễn Thị Phụng    | 02/09/1983 | 030183008304 | Ngôn ngữ Việt Nam          |  | Tiến sĩ |
| 56 | Trần Thị Hương      | 25/10/1978 | 030178010580 | Giáo dục học               |  | Tiến sĩ |
| 57 | Bùi Phương Thanh    | 12/11/1984 | 030184019584 | Kinh tế học                |  | Tiến sĩ |
| 58 | Vũ Thùy Trang       | 05/12/1981 | 030181008032 |                            |  | Thạc sĩ |
| 59 | Nguyễn Việt Long    | 12/03/1998 | 030098014632 | Công nghệ thông tin        |  | Thạc sĩ |
| 60 | Nguyễn Thị Quyên    | 07/06/1986 | 030186011597 | Sư phạm Ngữ văn            |  | Thạc sĩ |
| 61 | Phạm Thúy Nga       | 06/05/1981 | 030181019445 | Sinh học                   |  | Thạc sĩ |
| 62 | Bùi Thị Thủy        | 20/05/1982 | 030182013807 | Ngôn ngữ Anh               |  | Thạc sĩ |

|    |                       |            |              |                       |  |         |
|----|-----------------------|------------|--------------|-----------------------|--|---------|
| 63 | Vũ Thị Lệ Giang       | 10/03/1991 | 030191006686 | Quản lý kinh tế       |  | Thạc sĩ |
| 64 | Vũ Thị Hồng Gấm       | 07/10/1999 | 030199013103 | Giáo dục Tiểu học     |  | Đại học |
| 65 | Dương Thị Yên         | 17/07/1983 | 030183067072 | Giáo dục học          |  | Thạc sĩ |
| 66 | Nguyễn Thị Hòa        | 23/05/1974 | 030174006150 | Giáo dục học          |  | Thạc sĩ |
| 67 | Đoàn Thị Việt Nga     | 23/01/1982 | 030182005508 | Văn học               |  | Thạc sĩ |
| 68 | Nguyễn Bá Việt        | 18/12/1982 | 030082012018 | Quản trị kinh doanh   |  | Thạc sĩ |
| 69 | Nguyễn Thị Thanh Thủy | 20/10/1975 | 030175028986 | Giáo dục Tiểu học     |  | Đại học |
| 70 | Hoàng Thị Thuý Hà     | 19/10/1976 | 030176002851 | Quản lý kinh tế       |  | Tiến sĩ |
| 71 | Nguyễn Xuân Hùng      | 26/12/1964 | 033064003110 | Toán tin              |  | Thạc sĩ |
| 72 | Nguyễn Thị Hương      | 30/10/1984 | 030184003955 | Kinh tế học           |  | Thạc sĩ |
| 73 | Trần Thị Hạnh         | 08/02/1980 | 030180001348 | Ngôn ngữ Anh          |  | Thạc sĩ |
| 74 | Lê Thị Nguyệt         | 28/07/1980 | 030180007424 | Kinh doanh thương mại |  | Tiến sĩ |
| 75 | Đào Hồng Diệu         | 15/03/1985 | 030185024063 | Toán học              |  | Thạc sĩ |
| 76 | Đinh Thị Lê Duyên     | 30/11/1983 | 030183001058 | Ngôn ngữ Anh          |  | Thạc sĩ |
| 77 | Nguyễn Thị Lý         | 22/04/1977 | 030177005641 | Quản trị kinh doanh   |  | Thạc sĩ |
| 78 | Nguyễn Thị Vân        | 02/02/1982 | 030182016065 | Kế toán               |  | Thạc sĩ |
| 79 | Đào Thị Miên          | 11/11/1980 | 030180019404 | Quản trị kinh doanh   |  | Thạc sĩ |
| 80 | Vũ Thị Điệp Lan       | 14/01/1987 | 030187013359 | Công nghệ thông tin   |  | Thạc sĩ |
| 81 | Phạm Thị Loan         | 25/06/1985 | 030185004916 | Công nghệ thông tin   |  | Thạc sĩ |
| 82 | Bùi Ngọc Nhâm         | 29/10/1994 | 030194006362 | Giáo dục Tiểu học     |  | Đại học |
| 83 | Đinh Xuân Cường       | 30/08/1976 | 001076018246 |                       |  | Tiến sĩ |
| 84 | Nguyễn Thị Hải Vân    | 16/01/1977 | 033177003924 | Địa lý học            |  | Thạc sĩ |

|     |                       |            |              |                                    |             |         |
|-----|-----------------------|------------|--------------|------------------------------------|-------------|---------|
| 85  | Vũ Văn Thản           | 15/06/1979 | 030079010841 | Kế toán                            |             | Thạc sĩ |
| 86  | Đồng Thị Khánh Ly     | 20/05/1997 | 030197003148 | Giáo dục Tiểu học                  |             | Đại học |
| 87  | Nguyễn Thị Thanh Tâm  | 27/05/1977 | 030177014630 | Văn học Việt Nam                   |             | Thạc sĩ |
| 88  | Phạm Quang Thịnh      | 13/05/1979 | 030079028051 | Kế toán                            |             | Tiến sĩ |
| 89  | Phạm Thị Oanh         | 02/05/1977 | 030177017913 | Giáo dục học                       |             | Tiến sĩ |
| 90  | Phan Đình Trung       | 04/11/1982 | 030082010572 | Kỹ thuật viễn thông                |             | Thạc sĩ |
| 91  | Phạm Thị Thu Thủy     | 10/12/1977 | 030177007120 | Ngôn ngữ Việt Nam                  |             | Tiến sĩ |
| 92  | Đoàn Thị Phương       | 13/07/1986 | 030186010727 | Khoa học máy tính                  |             | Thạc sĩ |
| 93  | Vũ Thị Thu Trang      | 17/09/1979 | 030179015535 | Tâm lý học                         |             | Thạc sĩ |
| 94  | Nguyễn Thị Ánh Tuyết  | 19/02/1982 | 030182010342 | Âm nhạc học                        |             | Thạc sĩ |
| 95  | Vũ Quốc Vững          | 19/02/1976 | 030076007132 | Kế toán                            |             | Thạc sĩ |
| 96  | Đoàn Văn Hải          | 06/12/1982 | 030082004646 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa |             | Thạc sĩ |
| 97  | Đỗ Thị Nguyệt Quế     | 05/07/1975 | 030175004326 | Toán học                           |             | Đại học |
| 98  | Nguyễn Thị Loan       | 11/12/1980 | 030180003296 | Công nghệ thông tin                |             | Thạc sĩ |
| 99  | Đặng Thị Hồng Doan    | 07/02/1970 | 033170000017 | Giáo dục học                       |             | Thạc sĩ |
| 100 | Chu Tiên Quang        | 13/10/1954 | 001054008765 | Kinh tế nông nghiệp                | Phó giáo sư | Tiến sĩ |
| 101 | Bùi Hương Huế         | 15/10/1991 | 030191008159 | Giáo dục học                       |             | Thạc sĩ |
| 102 | Nguyễn Thị Hồng Nhung | 24/04/1984 | 030184009878 | Kế toán                            |             | Đại học |
| 103 | Phạm Thị An           | 03/10/1984 | 030184012585 | Kinh tế học                        |             | Thạc sĩ |
| 104 | Tạ Thị Chuyên         | 28/10/1984 | 030184010112 | Quản trị kinh doanh                |             | Thạc sĩ |
| 105 | Bùi Văn Minh          | 04/03/1968 | 001068040034 | Triết học                          |             | Thạc sĩ |
| 106 | Phạm Thành Đông       | 11/03/1974 | 030074020029 | Giáo dục học                       |             | Thạc sĩ |

|     |                       |            |              |                                |  |         |
|-----|-----------------------|------------|--------------|--------------------------------|--|---------|
| 107 | Nguyễn Thị Lan Phương | 28/01/1988 | 030188007162 | Kinh tế học                    |  | Thạc sĩ |
| 108 | Phạm Văn Khoa         | 07/12/1982 | 030082020904 | Kỹ thuật điện                  |  | Thạc sĩ |
| 109 | Vũ Thị Hoạch          | 02/05/1975 | 030175003011 | Toán học                       |  | Thạc sĩ |
| 110 | Tô Văn Sông           | 16/06/1967 | 030067005406 | Triết học                      |  | Tiến sĩ |
| 111 | Vũ Thị Nga            | 08/03/1980 | 030180017087 | Giáo dục học                   |  | Thạc sĩ |
| 112 | Vũ Thị Kim Nhung      | 30/10/1981 | 030181011153 |                                |  | Tiến sĩ |
| 113 | Trần Thị Diệp         | 01/05/1975 | 026175005482 | Kỹ thuật vật liệu              |  | Thạc sĩ |
| 114 | Phạm Thị Hương        | 02/06/1989 | 030189016944 | Kinh tế học                    |  | Thạc sĩ |
| 115 | Nguyễn Phong Lan      | 23/08/1984 | 030184014116 | Thông tin - thư viện           |  | Đại học |
| 116 | Nguyễn Thị Mỹ Hạnh    | 06/08/1976 | 030176008466 | Giáo dục học                   |  | Tiến sĩ |
| 117 | Phạm Thị Trang        | 25/12/1987 | 030187000374 | Toán học                       |  | Tiến sĩ |
| 118 | Hà Thành Chung        | 14/12/1963 | 019063000099 |                                |  | Tiến sĩ |
| 119 | Vũ Thị Thảo           | 11/11/1982 | 014182010274 | Toán học                       |  | Thạc sĩ |
| 120 | Phan Nhật Thanh       | 01/02/1980 | 030080005229 | Kinh tế quốc tế                |  | Tiến sĩ |
| 121 | Nguyễn Văn Khải       | 05/03/1962 | 030062005824 | Lý luận và phương pháp dạy học |  | Thạc sĩ |
| 122 | Nguyễn Thị Thảo       | 15/09/1984 | 033184013503 | Quản trị kinh doanh            |  | Thạc sĩ |
| 123 | Vũ Thị Cúc            | 21/07/1989 | 030189016588 | Triết học                      |  | Thạc sĩ |
| 124 | Nguyễn Thị Hường      | 08/07/1988 | 030188006862 | Quản trị kinh doanh            |  | Thạc sĩ |
| 125 | Vương Thị Vân         | 07/11/1988 | 030188005487 | Quản trị kinh doanh            |  | Thạc sĩ |
| 126 | Tạ Thị Thúy Ngân      | 19/03/1972 | 033172010028 | Giáo dục học                   |  | Tiến sĩ |
| 127 | Phùng Thị Lượ         | 22/02/1990 | 030190025692 |                                |  | Thạc sĩ |
| 128 | Phạm Thị Duyên        | 18/05/1985 | 030185010851 | Kinh tế học                    |  | Thạc sĩ |

|     |                        |            |              |                                    |  |         |
|-----|------------------------|------------|--------------|------------------------------------|--|---------|
| 129 | Vũ Thị Nguyễn          | 10/09/1985 | 030185009523 | Chăn nuôi                          |  | Thạc sĩ |
| 130 | Nguyễn Thị Ngọc        | 17/05/1986 | 030186000705 | Kinh tế học                        |  | Thạc sĩ |
| 131 | Vũ Thị Phượng          | 10/11/1991 | 030191000426 | Kế toán                            |  | Đại học |
| 132 | Phạm Văn Đỏ            | 15/03/1983 | 030083012839 | Giáo dục học                       |  | Thạc sĩ |
| 133 | Dương Hồng Nhung       | 03/08/1984 | 030184007737 | Kế toán                            |  | Thạc sĩ |
| 134 | Phạm Thị Thu Hằng      | 25/08/1987 | 030187021812 | Lý luận và phương pháp dạy học     |  | Tiến sĩ |
| 135 | Luyện Thị Minh Thư     | 02/04/1983 | 030183024380 | Lý luận và phương pháp dạy học     |  | Tiến sĩ |
| 136 | Phạm Hồng Quân         | 22/04/1979 | 030079001183 |                                    |  | Tiến sĩ |
| 137 | Lương Minh Huệ         | 05/12/1983 | 030183019426 | Quản lý du lịch bền vững           |  | Thạc sĩ |
| 138 | Nguyễn Ngọc Viên       | 15/05/1979 | 030079008316 | Toán học                           |  | Thạc sĩ |
| 139 | Nguyễn Xuân Trường     | 08/07/1976 | 030076001841 | Kinh tế nông nghiệp                |  | Thạc sĩ |
| 140 | Nguyễn Mạnh Tuấn       | 10/10/1980 | 030080013918 | Luật kinh tế                       |  | Thạc sĩ |
| 141 | Khương Thị Thuỷ        | 27/11/1977 | 030177000818 | Ngôn ngữ Trung Quốc                |  | Thạc sĩ |
| 142 | Phạm Thị Lương         | 17/09/1976 | 030176011346 | Hoá học                            |  | Thạc sĩ |
| 143 | Nguyễn Thị Tuyết Nhung | 04/08/1976 | 030176008343 | Công nghệ thông tin                |  | Thạc sĩ |
| 144 | Lê Thị Nụ              | 13/05/1984 | 030184004170 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa |  | Thạc sĩ |
| 145 | Đỗ Thị Thúy Hương      | 02/07/1982 | 030182000921 | Kinh tế học                        |  | Thạc sĩ |
| 146 | Phạm Thị Hà Trang      | 26/10/1983 | 030183019198 | Công nghệ thông tin                |  | Thạc sĩ |
| 147 | Đào Thị Tuyết Thanh    | 31/07/1979 | 030179021400 | Toán học                           |  | Thạc sĩ |
| 148 | Vũ Đức Lễ              | 24/02/1964 | 030064019141 | Quản lý khoa học và công nghệ      |  | Tiến sĩ |
| 149 | Đoàn Thị Kiều Dung     | 18/03/1979 | 030179002463 | Công nghệ thông tin                |  | Đại học |
| 150 | Nguyễn Ngọc Cương      | 21/08/1979 | 001079036328 |                                    |  | Thạc sĩ |

|     |                      |            |              |                             |  |         |
|-----|----------------------|------------|--------------|-----------------------------|--|---------|
| 151 | Lê Thị Bắc           | 24/11/1980 | 030180009388 | Công nghệ thông tin         |  | Thạc sĩ |
| 152 | Vũ Hồng Kiên         | 08/11/1976 | 030076000709 | Tài chính và Kế toán        |  | Đại học |
| 153 | Đặng Thu Trang       | 20/11/1977 | 030177013336 | Ngôn ngữ Anh                |  | Thạc sĩ |
| 154 | Nguyễn Thị Thanh Hoa | 13/08/1979 | 030179018111 | Lịch sử Việt Nam            |  | Tiến sĩ |
| 155 | Bùi Văn Lợi          | 12/08/1969 | 030069013635 | Công tác xã hội             |  | Thạc sĩ |
| 156 | Nguyễn Quốc Long     | 25/10/1974 | 030074007038 | Kỹ thuật xây dựng           |  | Đại học |
| 157 | Nguyễn Văn Thịnh     | 09/11/1971 | 038071025297 | Kế toán                     |  | Đại học |
| 158 | Đinh Thị Trung Hiếu  | 02/03/1982 | 064182000020 | Kỹ thuật điện               |  | Thạc sĩ |
| 159 | Phạm Thị Hoà         | 27/09/1989 | 030189004062 | Quản lý xây dựng            |  | Thạc sĩ |
| 160 | Nguyễn Thị Thanh Tâm | 13/10/1988 | 030188022894 | Công nghệ thông tin         |  | Thạc sĩ |
| 161 | Nguyễn Thị Hòa       | 22/09/1984 | 030184012995 | Công nghệ thông tin         |  | Thạc sĩ |
| 162 | Vũ Văn Hoàng         | 22/08/1987 | 030087002927 | Kỹ thuật điện               |  | Thạc sĩ |
| 163 | Nguyễn Thị Toan      | 02/06/1980 | 030180017791 |                             |  | Thạc sĩ |
| 164 | Phạm Tuyên           | 23/11/1977 | 030077001062 | Kỹ thuật điện               |  | Đại học |
| 165 | Nguyễn Văn Diễn      | 15/04/1976 | 030076014632 | Sinh học                    |  | Thạc sĩ |
| 166 | Lương Thế Dũng       | 01/06/1973 | 030073019487 | Quản lý công nghệ thông tin |  | Thạc sĩ |
| 167 | Hoàng Thị Ngát       | 13/01/1982 | 030182007383 | Triết học                   |  | Thạc sĩ |
| 168 | Cao Thị Thu Phương   | 28/06/1986 | 030186001052 | Kế toán                     |  | Thạc sĩ |
| 169 | Nguyễn Thị Đào       | 07/07/1975 | 030175028938 | Kế toán                     |  | Tiến sĩ |
| 170 | Nguyễn Văn Khánh     | 18/07/1992 | 030092008032 | Kế toán                     |  | Đại học |
| 171 | Trần Thị Thanh Loan  | 04/06/1978 | 030178018793 | Kinh tế học                 |  | Thạc sĩ |
| 172 | Tiêu Thị Thu Thủy    | 28/04/1980 | 030180006734 |                             |  | Thạc sĩ |

|     |                        |            |              |                     |  |         |
|-----|------------------------|------------|--------------|---------------------|--|---------|
| 173 | Đặng Thị Phương Thùy   | 29/05/1997 | 030197000613 | Toán học            |  | Đại học |
| 174 | Phạm Thị Thêu          | 16/07/1983 | 030183067093 |                     |  | Thạc sĩ |
| 175 | Đàm Đức Nhật           | 29/09/1996 | 030096002815 | Công nghệ thông tin |  | Đại học |
| 176 | Nguyễn Đức Hiên        | 23/11/1975 | 030075005243 | Kinh tế vận tải     |  | Đại học |
| 177 | Nguyễn Ngọc Anh        | 01/11/1985 | 035185003848 | Kế toán             |  | Thạc sĩ |
| 178 | Đinh Trọng Toàn        | 22/07/1984 | 030084014421 | Kỹ thuật cơ điện tử |  | Thạc sĩ |
| 179 | Phạm Thị Thanh         | 02/11/1984 | 030184012994 | Công nghệ thông tin |  | Thạc sĩ |
| 180 | Lê Thị Sinh            | 27/02/1978 | 030178012112 | Công nghệ thông tin |  | Thạc sĩ |
| 181 | Nguyễn Thị Hồng Vân    | 26/01/1975 | 033175004460 | Mỹ thuật tạo hình   |  | Thạc sĩ |
| 182 | Nguyễn Văn Viết        | 07/09/1979 | 030079028216 | Sinh học            |  | Tiến sĩ |
| 183 | Phạm Văn Quang         | 29/09/1980 | 030080015831 | Công nghệ thông tin |  | Thạc sĩ |
| 184 | Bùi Thị Ngọc           | 28/07/1987 | 030187009843 |                     |  | Thạc sĩ |
| 185 | Nguyễn Thị Ánh Nguyệt  | 02/05/1987 | 030187001077 | Kinh tế học         |  | Thạc sĩ |
| 186 | Hoàng Thị Huyền        | 15/04/1985 | 030185013070 | Kế toán             |  | Thạc sĩ |
| 187 | Trịnh Tổ Hoan          | 20/12/1982 | 030082001528 | Toán học            |  | Thạc sĩ |
| 188 | Nguyễn Đình Hà         | 13/05/1979 | 033079000700 | Quản trị kinh doanh |  | Thạc sĩ |
| 189 | Đỗ Quốc Vương          | 07/09/1984 | 030084010399 | Giáo dục học        |  | Thạc sĩ |
| 190 | Nguyễn Thị Thanh Huyền | 26/07/1983 | 030183002073 | Văn học             |  | Thạc sĩ |
| 191 | Nguyễn Văn Khánh       | 12/10/1997 | 030197014967 | Sư phạm Vật lý      |  | Đại học |
| 192 | Phạm Thị Na            | 23/02/1983 | 030183000675 | Quản trị kinh doanh |  | Thạc sĩ |
| 193 | Phạm Thị Huế           | 06/05/1985 | 030185006907 | Kế toán             |  | Thạc sĩ |
| 194 | Lê Lan Anh             | 20/08/1997 | 030197002135 | Ngôn ngữ Anh        |  | Đại học |

|     |                          |            |              |                               |  |         |
|-----|--------------------------|------------|--------------|-------------------------------|--|---------|
| 195 | Phạm Thị Thảo            | 25/09/1982 | 030182001798 | Kế toán                       |  | Thạc sĩ |
| 196 | Trương Thị Thùy Anh      | 16/12/1996 | 030196005261 | Sư phạm Hoá học               |  | Đại học |
| 197 | Nghiêm Thị Thùy Dương    | 30/01/1987 | 030187013679 | Giáo dục học                  |  | Thạc sĩ |
| 198 | Vũ Thị Ngọc Uyên         | 20/07/1974 | 030174002511 | Giáo dục học                  |  | Thạc sĩ |
| 199 | Nguyễn Thị Xoan          | 01/06/1987 | 030187009449 | Công nghệ thông tin           |  | Thạc sĩ |
| 200 | Bùi Thị Kim Oanh         | 03/09/1983 | 030183011261 | Chăn nuôi                     |  | Thạc sĩ |
| 201 | Lê Bách Ngọc             | 30/04/1976 | 030076003627 | Giáo dục Quốc phòng - An ninh |  | Đại học |
| 202 | Nguyễn Thị Thương Thương | 26/12/1981 | 030181005772 | Kế toán                       |  | Thạc sĩ |
| 203 | Nguyễn Hữu Thịnh         | 10/10/1971 | 030071021408 | Tin học và kỹ thuật máy tính  |  | Đại học |
| 204 | Dương Thị Toàn           | 08/06/1980 | 030180011299 |                               |  | Thạc sĩ |
| 205 | Vũ Hoài Thu              | 13/10/1974 | 030174000632 | Ngôn ngữ học                  |  | Tiến sĩ |
| 206 | Bùi Văn Quân             | 12/03/1961 | 019161004811 |                               |  | Tiến sĩ |
| 207 | Tiêu Công Vũ             | 16/04/1982 | 030082010636 | Quản lý khoa học và công nghệ |  | Thạc sĩ |
| 208 | Phạm Thị Hiền            | 24/07/1983 | 030183003081 | Giáo dục Mầm non              |  | Đại học |
| 209 | Nguyễn Thị Dung          | 07/11/1980 | 030180019445 | Kế toán                       |  | Thạc sĩ |
| 210 | Bùi Thị Na               | 16/03/1989 | 030189003354 | Giáo dục Mầm non              |  | Đại học |
| 211 | Phạm Thị Oanh            | 14/01/1978 | 040178008341 | Kinh tế học                   |  | Thạc sĩ |
| 212 | Phạm Thị My              | 02/09/1986 | 030186006950 | Toán học                      |  | Thạc sĩ |
| 213 | Vũ Quốc Tuấn             | 08/06/1982 | 030082003453 | Toán học                      |  | Tiến sĩ |
| 214 | Đặng Thị Lan Anh         | 27/11/1981 | 030181002593 | Văn học Việt Nam              |  | Tiến sĩ |
| 215 | Nguyễn Xuân Lai          | 31/10/1962 | 033062009325 | Toán học                      |  | Tiến sĩ |
| 216 | Nguyễn Hữu Thái          | 04/06/1985 | 030085003556 | Giáo dục học                  |  | Thạc sĩ |



|     |                        |            |              |                                |             |         |
|-----|------------------------|------------|--------------|--------------------------------|-------------|---------|
| 217 | Nguyễn Phương Bình     | 07/04/1975 | 030075001874 | Âm nhạc học                    |             | Đại học |
| 218 | Phạm Hồng Thom         | 23/08/1984 | 030184002373 | Kinh tế học                    |             | Thạc sĩ |
| 219 | Trần Vũ                | 05/11/1987 | 030087005824 | Kỹ thuật cơ điện tử            |             | Thạc sĩ |
| 220 | Nguyễn Thị Thương      | 08/11/1977 | 030177002794 | Văn học                        |             | Thạc sĩ |
| 221 | Nguyễn Văn Quang       | 15/08/1988 | 030088008909 | Giáo dục học                   |             | Đại học |
| 222 | Hồ Thị Thuý            | 07/04/1978 | 030178011973 | Quản trị kinh doanh            |             | Thạc sĩ |
| 223 | Phạm Thị Yên           | 14/08/1974 | 030174003882 | Kinh tế học                    |             | Thạc sĩ |
| 224 | Nguyễn Thị Thu Hà      | 04/03/1977 | 030177018186 | Lý luận và phương pháp dạy học |             | Tiến sĩ |
| 225 | Bùi Thị Thắm           | 19/08/1985 | 030185024082 | Chăn nuôi – thú y              |             | Thạc sĩ |
| 226 | Nguyễn Thị Thúy Hạnh   | 11/04/1981 | 025181010892 |                                |             | Thạc sĩ |
| 227 | Vũ Văn Cát             | 10/01/1969 | 001069023659 | Khoa học vật liệu              |             | Tiến sĩ |
| 228 | Nguyễn Thị Tím Huế     | 17/11/1979 | 030179008513 | Tâm lý học                     |             | Tiến sĩ |
| 229 | Nguyễn Thị Thanh Hương | 27/07/1986 | 030186002145 | Kế toán                        |             | Thạc sĩ |
| 230 | Vũ Thị Thảo            | 27/07/1983 | 034183026511 | Sư phạm Kỹ thuật Điện          |             | Thạc sĩ |
| 231 | Nguyễn Thị Thu Hà      | 13/10/1976 | 030176018446 | Toán học                       |             | Tiến sĩ |
| 232 | Trương Thị Hồng Diệp   | 30/01/1981 | 030181013674 | Quản lý giáo dục               |             | Thạc sĩ |
| 233 | Vũ Hoài An             | 20/10/1960 | 030060003329 | Toán học                       |             | Tiến sĩ |
| 234 | Phạm Đức Bình          | 21/11/1957 | 030057004675 | Kế toán                        | Phó giáo sư | Tiến sĩ |
| 235 | Vũ Thái Hưng           | 31/12/2010 | 022081006604 | Kỹ thuật viễn thông            |             | Tiến sĩ |
| 236 | Nguyễn Kim Hùng        | 16/09/1995 | 030095006258 | Toán học                       |             | Đại học |
| 237 | Ngô Thị Trang          | 24/11/1996 | 030196000649 | Sư phạm Toán học               |             | Đại học |
| 238 | Nguyễn Thị Thắm        | 20/06/1982 | 030182020501 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam |             | Thạc sĩ |

|     |                    |            |              |                     |  |         |
|-----|--------------------|------------|--------------|---------------------|--|---------|
| 239 | Lê Quang Tĩnh      | 11/01/1979 | 030079014761 | Khoa học máy tính   |  | Thạc sĩ |
| 240 | Phạm Thị Hòa       | 05/01/1977 | 030177012781 | Sinh học            |  | Tiến sĩ |
| 241 | Nguyễn Đức Thọ     | 25/01/1985 | 030085004269 | Quản trị kinh doanh |  | Thạc sĩ |
| 242 | Đào Tiên Trí       | 05/10/1971 | 030071014753 | Âm nhạc học         |  | Đại học |
| 243 | Nguyễn Thị Thìn    | 22/12/1976 | 019176015263 | Quản lý kinh tế     |  | Thạc sĩ |
| 244 | Phạm Thị Thanh     | 12/01/1984 | 030184003638 | Kế toán             |  | Đại học |
| 245 | Tăng Xuân Hùng     | 31/07/1976 | 030076004474 | Lịch sử thế giới    |  | Thạc sĩ |
| 246 | Nguyễn Thị Tâm     | 16/05/1982 | 038182039061 | Kế toán             |  | Đại học |
| 247 | Nguyễn Thị Thắm    | 03/12/1981 | 030181014126 | Chính trị học       |  | Thạc sĩ |
| 248 | Phạm Ngọc Hoa      | 27/05/1976 | 030176007589 | Toán học            |  | Tiến sĩ |
| 249 | Đàm Văn Bắc        | 02/01/1969 | 030069006958 | Địa lý học          |  | Tiến sĩ |
| 250 | Đào Thị Lan Anh    | 06/01/1982 | 030182017441 | Kinh tế học         |  | Thạc sĩ |
| 251 | Đặng Thị Tứ        | 07/08/1971 | 030171008300 | Giáo dục Tiểu học   |  | Đại học |
| 252 | Cao Thị Thu Hằng   | 03/03/1969 | 030169002364 | Giáo dục học        |  | Thạc sĩ |
| 253 | Nguyễn Thị Lại     | 26/01/1986 | 030186006793 | Triết học           |  | Thạc sĩ |
| 254 | Đỗ Thanh Huyền     | 14/06/1988 | 030188006258 | Kinh tế chính trị   |  | Thạc sĩ |
| 255 | Đồng Thị Yến       | 15/05/1988 | 030188000569 | Tâm lý học          |  | Tiến sĩ |
| 256 | Nguyễn Thị Thảo    | 24/03/1986 | 030186012480 | Quản lý kinh tế     |  | Thạc sĩ |
| 257 | Nguyễn Thị Yến     | 02/06/1989 | 030189012824 | Du lịch             |  | Thạc sĩ |
| 258 | Nguyễn Văn Thắng   | 06/09/1983 | 030083008467 | Kỹ thuật cơ điện tử |  | Thạc sĩ |
| 259 | Nguyễn Thị Hải Yến | 14/05/1995 | 030195001424 | Sư phạm Ngữ văn     |  | Đại học |
| 260 | Lê Thị Hoài Linh   | 13/12/1978 | 030178016472 | Kinh tế học         |  | Thạc sĩ |

|     |                        |            |              |                                    |  |         |
|-----|------------------------|------------|--------------|------------------------------------|--|---------|
| 261 | Lê Sỹ Cương            | 10/02/1960 | 030060001547 | Nông nghiệp                        |  | Tiến sĩ |
| 262 | Lê Thị Hà Anh          | 28/11/1983 | 030183020832 | Kế toán                            |  | Thạc sĩ |
| 263 | Vũ Thị Xuân            | 26/10/1985 | 030185009034 | Tài chính - Ngân hàng              |  | Thạc sĩ |
| 264 | Đỗ Thị Tuyết           | 01/01/1984 | 030183008552 | Kế toán                            |  | Thạc sĩ |
| 265 | Ngô Thị Giang          | 01/11/1988 | 030188010139 | Sư phạm Toán học                   |  | Đại học |
| 266 | Trịnh Thị Thanh Loan   | 29/12/1980 | 030180020313 | Kế toán                            |  | Thạc sĩ |
| 267 | Tạ Thị Thanh Thủy      | 19/08/1989 | 030189007775 | Lưu trữ học                        |  | Thạc sĩ |
| 268 | Nguyễn Thu Loan        | 21/11/1986 | 030186010371 | Giáo dục học                       |  | Thạc sĩ |
| 269 | Đặng Thị Trà My        | 21/07/1973 | 030173004498 | Triết học                          |  | Thạc sĩ |
| 270 | Dương Thị Bích Hạnh    | 26/10/1976 | 030176009472 | Ngôn ngữ Việt Nam                  |  | Tiến sĩ |
| 271 | Nguyễn Đức Toàn        | 21/11/1981 | 030081000548 | Ngôn ngữ Việt Nam                  |  | Tiến sĩ |
| 272 | Vũ Thị Nhung           | 12/06/1979 | 030179005786 | Ngôn ngữ Anh                       |  | Thạc sĩ |
| 273 | Lê Thị Thương          | 25/08/1980 | 030180011169 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa |  | Thạc sĩ |
| 274 | Nguyễn Thái Hưng       | 03/11/1976 | 030076008330 | Giáo dục học                       |  | Tiến sĩ |
| 275 | Nguyễn Thị Phương Dung | 05/02/1981 | 030181014641 | Kế toán                            |  | Thạc sĩ |
| 276 | Vũ Văn Quang           | 20/06/1984 | 030084026301 | Sư phạm Tin học                    |  | Đại học |
| 277 | Vũ Thị Tuyết           | 27/05/1986 | 030186009781 | Công nghệ thông tin                |  | Thạc sĩ |
| 278 | Mạc Thị Độ             | 18/09/1975 | 030175027228 | Luật                               |  | Đại học |
| 279 | Vũ Thùy Nga            | 11/10/1963 | 030163021860 | Ngôn ngữ Việt Nam                  |  | Tiến sĩ |
| 280 | Nguyễn Đức Bản         | 21/10/1980 | 030080004234 | Kinh tế nông nghiệp                |  | Thạc sĩ |
| 281 | Nguyễn Thị Ngọc Hằng   | 04/12/1983 | 030183010449 | Giáo dục học                       |  | Thạc sĩ |
| 282 | Tạ Thị Tuyết Anh       | 04/07/1986 | 030186002186 | Kế toán                            |  | Thạc sĩ |

|     |                       |            |              |                                       |  |         |
|-----|-----------------------|------------|--------------|---------------------------------------|--|---------|
| 283 | Nguyễn Thị Hà         | 22/06/1985 | 030185017109 | Giáo dục Tiểu học                     |  | Đại học |
| 284 | Phạm Thị Hiền         | 15/05/1983 | 030183001126 | Ngôn ngữ Anh                          |  | Thạc sĩ |
| 285 | Nguyễn Thị Liên       | 07/01/1982 | 030182013874 | Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước |  | Thạc sĩ |
| 286 | Nguyễn Thị Phương     | 21/12/1982 | 030182014242 | Kinh tế học                           |  | Thạc sĩ |
| 287 | Nguyễn Phương Ngọc    | 19/01/1977 | 030177013617 | Kinh tế học                           |  | Tiến sĩ |
| 288 | Nguyễn Thị Phiên      | 08/11/1980 | 030180006258 |                                       |  | Thạc sĩ |
| 289 | Nguyễn Thị Thu Hiền   | 27/08/1984 | 025184001362 | Giáo dục học                          |  | Tiến sĩ |
| 290 | Nguyễn Văn Quyên      | 20/08/1980 | 030080003727 | Vì sinh vật học                       |  | Tiến sĩ |
| 291 | Lưu Thị Lan           | 11/03/1986 | 030186017806 | Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ      |  | Thạc sĩ |
| 292 | Nguyễn Thị Huệ Dung   | 09/02/2001 | 030301001478 | Ngôn ngữ Anh                          |  | Đại học |
| 293 | Nguyễn Thị Phương Lan | 10/09/1989 | 030189017120 | Giáo dục học                          |  | Thạc sĩ |
| 294 | Nguyễn Thị Thu Trang  | 22/02/1990 | 035190009857 | Kế toán                               |  | Thạc sĩ |
| 295 | Vũ Thị Thương Huyền   | 23/10/1980 | 030180001446 | Kinh tế học                           |  | Thạc sĩ |
| 296 | Trần Đức Hạnh         | 01/05/1982 | 033082004232 | Mỹ thuật tạo hình                     |  | Thạc sĩ |
| 297 | Đào Thị Hương         | 24/02/1983 | 030183002650 | Giáo dục Mầm non                      |  | Đại học |

**2.1.2 Danh sách ngành đứng tên của đội ngũ giảng viên toàn thời gian: Trình độ Thạc sĩ**

| STT | Họ và tên           | Ngày,tháng,năm sinh | Số CMTND/CCCD/hộ chiếu | Chuyên môn đào tạo         | Chức danh khoa học | Trình độ |
|-----|---------------------|---------------------|------------------------|----------------------------|--------------------|----------|
| 1   | Tăng Thế Toàn       | 04/12/1976          | 030076017819           | Kỹ thuật điện tử           |                    | Tiến sĩ  |
| 2   | Lê Đình Sơn         | 20/07/1962          | 030062005612           | Nông nghiệp                |                    | Tiến sĩ  |
| 3   | Nguyễn Thị Hồng Gấm | 20/01/1974          | 030174018075           | Giáo dục học               |                    | Tiến sĩ  |
| 4   | Phạm Thị Thu Trang  | 22/03/1988          | 022188001340           | Kế toán                    |                    | Tiến sĩ  |
| 5   | Nguyễn Tiến Phương  | 24/02/1977          | 025077010399           | Cơ sở toán học cho tin học |                    | Tiến sĩ  |
| 6   | Bùi Phương Thanh    | 12/11/1984          | 030184019584           | Kinh tế học                |                    | Tiến sĩ  |
| 7   | Hoàng Thị Thuý Hà   | 19/10/1976          | 030176002851           | Quản lý kinh tế            |                    | Tiến sĩ  |
| 8   | Lê Thị Nguyệt       | 28/07/1980          | 030180007424           | Kinh doanh thương mại      |                    | Tiến sĩ  |
| 9   | Phạm Quang Thịnh    | 13/05/1979          | 030079028051           | Kế toán                    |                    | Tiến sĩ  |
| 10  | Phạm Thị Oanh       | 02/05/1977          | 030177017913           | Giáo dục học               |                    | Tiến sĩ  |
| 11  | Chu Tiến Quang      | 13/10/1954          | 001054008765           | Kinh tế nông nghiệp        | Phó giáo sư        | Tiến sĩ  |
| 12  | Tô Văn Sông         | 16/06/1967          | 030067005406           | Triết học                  |                    | Tiến sĩ  |
| 13  | Vũ Thị Kim Nhung    | 30/10/1981          | 030181011153           |                            |                    | Tiến sĩ  |
| 14  | Nguyễn Thị Mỹ Hạnh  | 06/08/1976          | 030176008466           | Giáo dục học               |                    | Tiến sĩ  |
| 15  | Phạm Thị Trang      | 25/12/1987          | 030187000374           | Toán học                   |                    | Tiến sĩ  |
| 16  | Phan Nhật Thanh     | 01/02/1980          | 030080005229           | Kinh tế quốc tế            |                    | Tiến sĩ  |
| 17  | Tạ Thị Thuý Ngân    | 19/03/1972          | 033172010028           | Giáo dục học               |                    | Tiến sĩ  |

|    |                    |            |              |                                |             |         |
|----|--------------------|------------|--------------|--------------------------------|-------------|---------|
| 18 | Luyện Thị Minh Thư | 02/04/1983 | 030183024380 | Lý luận và phương pháp dạy học |             | Tiến sĩ |
| 19 | Vũ Đức Lễ          | 24/02/1964 | 030064019141 | Quản lý khoa học và công nghệ  |             | Tiến sĩ |
| 20 | Nguyễn Thị Đào     | 07/07/1975 | 030175028938 | Kế toán                        |             | Tiến sĩ |
| 21 | Vũ Hoài Thu        | 13/10/1974 | 030174000632 | Ngôn ngữ học                   |             | Tiến sĩ |
| 22 | Vũ Quốc Tuấn       | 08/06/1982 | 030082003453 | Toán học                       |             | Tiến sĩ |
| 23 | Nguyễn Xuân Lai    | 31/10/1962 | 033062009325 | Toán học                       |             | Tiến sĩ |
| 24 | Nguyễn Thị Thu Hà  | 04/03/1977 | 030177018186 | Lý luận và phương pháp dạy học |             | Tiến sĩ |
| 25 | Nguyễn Thị Tím Huế | 17/11/1979 | 030179008513 | Tâm lý học                     |             | Tiến sĩ |
| 26 | Nguyễn Thị Thu Hà  | 13/10/1976 | 030176018446 | Toán học                       |             | Tiến sĩ |
| 27 | Vũ Hoài An         | 20/10/1960 | 030060003329 | Toán học                       |             | Tiến sĩ |
| 28 | Phạm Đức Bình      | 21/11/1957 | 030057004675 | Kế toán                        | Phó giáo sư | Tiến sĩ |
| 29 | Nguyễn Thị Thu Hà  | 16/02/1988 | 030188007523 | Tài chính - Ngân hàng          |             | Tiến sĩ |
| 30 | Phạm Ngọc Hoa      | 27/05/1976 | 030176007589 | Toán học                       |             | Tiến sĩ |
| 31 | Lê Sỹ Cương        | 10/02/1960 | 030060001547 | Nông nghiệp                    |             | Tiến sĩ |
| 32 | Nguyễn Phương Ngọc | 19/01/1977 | 030177013617 | Kinh tế học                    |             | Tiến sĩ |

**3. Danh sách cán bộ quản lý, nhân viên hỗ trợ chuyên trách về đào tạo từ xa:** Nhà trường chưa đào tạo từ xa.

### **5. Công nhận đạt chuẩn kiểm định chất lượng**

#### **5.1 Cơ sở đào tạo được công nhận kiểm định chất lượng**

| Số quyết định    | Ngày quyết định | Tổ chức công nhận                                                                                 |
|------------------|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| QĐ 140/QĐ-KĐCLGD | 26/05/2021      | Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục trực thuộc Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam |

### 5.2 Chương trình đào tạo được công nhận kiểm định chất lượng

Đang thực hiện tự đánh giá chương trình đào tạo

## 6. Hội đồng trường/ Hội đồng đại học

### 6.1 Quyết định thành lập

| Số quyết định   | Ngày quyết định | Đơn vị ký ban hành quyết định |
|-----------------|-----------------|-------------------------------|
| QĐ 1088/QĐ-UBND | 07/06/2023      | UBND Tỉnh Hải Dương           |
| QĐ 2779/QĐ-UBND | 15/09/2020      | UBND Tỉnh Hải Dương           |

### 6.2 Danh sách hội đồng trường

| STT | Họ và tên           | Học hàm, học vị | Giới tính | Chức vụ trong Hội đồng trường | Cơ quan công tác         | Chức vụ nơi cơ quan công tác               |
|-----|---------------------|-----------------|-----------|-------------------------------|--------------------------|--------------------------------------------|
| 1   | Nguyễn Thái Hưng    | Tiến sĩ         | Nam       | Ủy viên                       | Trường Đại học Hải Dương | Trưởng ban, phòng, khoa và tương đương     |
| 2   | Vũ Thị Thảo         | Thạc sĩ         | Nữ        | Thư ký                        | Trường Đại học Hải Dương | Phó Trưởng ban, phòng, khoa và tương đương |
| 3   | Nguyễn Thị Hòa      | Thạc sĩ         | Nữ        | Ủy viên                       | Trường Đại học Hải Dương | Trưởng ban, phòng, khoa và tương đương     |
| 4   | Dương Thị Bích Hạnh | Tiến sĩ         | Nữ        | Ủy viên                       | Trường Đại học Hải Dương | Trưởng ban, phòng, khoa và tương đương     |
| 5   | Nguyễn Mạnh Tuấn    | Thạc sĩ         | Nam       | Ủy viên                       | Trường Đại học Hải Dương | Trưởng ban, phòng, khoa và tương đương     |
| 6   | Vũ Đức Lễ           | Tiến sĩ         | Nam       | Chủ tịch                      | Trường Đại học Hải Dương | Chủ tịch hội đồng trường                   |
| 7   | Đàm Văn Bắc         | Tiến sĩ         | Nam       | Ủy viên                       | Trường Đại học Hải Dương | Trưởng ban, phòng, khoa và tương đương     |
| 8   | Tăng Thế Toàn       | Tiến sĩ         | Nam       | Ủy viên                       | Trường Đại học Hải Dương | Phó Hiệu trưởng                            |
| 9   | Nguyễn Thị Đào      | Tiến sĩ         | Nữ        | Ủy viên                       | Trường Đại học Hải Dương | Trưởng ban, phòng, khoa và tương đương     |
| 10  | Nguyễn Thị Thu Hà   | Tiến sĩ         | Nữ        | Ủy viên                       | Trường Đại học Hải Dương | Phó Hiệu trưởng                            |
| 11  | Nguyễn Thị Hồng Gấm | Tiến sĩ         | Nữ        | Ủy viên                       | Trường Đại học Hải Dương | Phó Hiệu trưởng                            |

|    |                    |         |     |         |                          |                                            |
|----|--------------------|---------|-----|---------|--------------------------|--------------------------------------------|
| 12 | Nguyễn Thị Mỹ Hạnh | Tiến sĩ | Nữ  | Ủy viên | Trường Đại học Hải Dương | Trưởng ban, phòng, khoa và tương đương     |
| 13 | Tạ Thị Thúy Ngân   | Tiến sĩ | Nữ  | Ủy viên | Trường Đại học Hải Dương | Hiệu trưởng                                |
| 14 | Tô Văn Sông        | Tiến sĩ | Nam | Ủy viên | Trường Đại học Hải Dương | Trưởng ban, phòng, khoa và tương đương     |
| 15 | Phạm Quang Thịnh   | Tiến sĩ | Nam | Ủy viên | Trường Đại học Hải Dương | Phó Trưởng ban, phòng, khoa và tương đương |
| 16 | Nguyễn Văn Quyên   | Tiến sĩ | Nam | Ủy viên | Trường Đại học Hải Dương | Phó Hiệu trưởng                            |
| 17 | Phạm Thị Thu Thủy  | Tiến sĩ | Nữ  | Ủy viên | Trường Đại học Hải Dương | Trưởng ban, phòng, khoa và tương đương     |

## 7. Các văn bản triển khai thực hiện quyền tự chủ

| STT | Loại văn bản triển khai quyền tự chủ | Nội dung văn bản                                                                                                                 | QĐ ban hành     | Ngày QĐ ban hành | Cơ quan ban hành quyết định                       |
|-----|--------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|------------------|---------------------------------------------------|
| 1   | Khác                                 | QĐ về việc thành lập Hội đồng Thi đua - Khen thưởng và kỷ luật năm học 2023-2024                                                 | QĐ 426a/QĐ-ĐHHD | 01/08/2023       | Trường Đại học Hải Dương                          |
| 2   |                                      | QĐ v/v ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của T. ĐHHD                                                                | 686/QĐ-ĐHHD     | 14/12/2023       | Trường Đại học Hải Dương                          |
| 3   | Quy chế tổ chức và hoạt động         | Nghị quyết Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hải Dương                                                    | NQ 46/NQ-HĐT    | 16/06/2023       | HĐT Trường Đại học Hải Dương nhiệm kỳ 2020 - 2025 |
| 4   |                                      | Chiến lược Đảm bảo chất lượng giáo dục Trường giai đoạn 2018 - 2025, tầm nhìn 2030                                               | 282/QĐ-ĐHHD     | 08/10/2018       | Trường Đại học Hải Dương                          |
| 5   | Quy chế tài chính                    | Nghị quyết Ban hành Quy chế Tài chính của Trường Đại học Hải Dương                                                               | NQ 54/NQ-HĐT    | 01/08/2023       | HĐT Trường Đại học Hải Dương nhiệm kỳ 2020 - 2025 |
| 6   |                                      | QĐ v/v ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ các đơn vị thuộc, trực thuộc T. ĐHHD                                                | 609/QĐ-ĐHHD     | 31/10/2023       | Trường Đại học Hải Dương                          |
| 7   | Khác                                 | QUYẾT ĐỊNH về việc ban hành Quy chế thực hiện chế độ tiền thưởng đối với viên chức, người lao động của Trường Đại học Hải Dương  | 1019/QĐ-ĐHHD    | 26/11/2024       | Trường Đại học Hải Dương                          |
| 8   |                                      | Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung Quy định đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy | 348/QĐ-ĐHHD     | 17/08/2020       | Trường Đại học Hải Dương                          |



|    |                                            |                                                                                                                                                                                                              |                |            |                                                   |
|----|--------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|------------|---------------------------------------------------|
| 9  | Quy định, chính sách về bảo đảm chất lượng | Quyết định thành lập Hội đồng Đảm bảo chất lượng                                                                                                                                                             | 303/QĐ-ĐHHD    | 16/05/2019 | Trường Đại học Hải Dương                          |
| 10 | Khác                                       | Quyết định về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường Đại học Hải Dương                                                                                                                             | 845/QĐ-ĐHHD    | 22/10/2024 | Trường Đại học Hải Dương                          |
| 11 |                                            | Quy trình thanh tra nội bộ                                                                                                                                                                                   | 222/QĐ-ĐHHD    | 21/07/2020 | Trường Đại học Hải Dương                          |
| 12 | Quy định về công tác cán bộ, nhân sự       | QĐ v/v Ban hành Quy định về chế độ làm việc của giảng viên, giáo viên Trường Đại học Hải Dương                                                                                                               | QĐ 457/QĐ-ĐHHD | 24/08/2023 | Trường Đại học Hải Dương                          |
| 13 |                                            | Quyết định sát nhập Trường Cao đẳng Hải Dương vào Trường Đại học Hải Dương                                                                                                                                   | 448/QĐ-TTg     | 27/04/2023 | Thủ tướng Chính phủ                               |
| 14 |                                            | Quyết định Về việc ban hành Quy định công tác sinh viên Trường Đại học Hải Dương                                                                                                                             | 392/QĐ-ĐHHD    | 28/09/2021 | Trường Đại học Hải Dương                          |
| 15 |                                            | QĐ v/v ban hành Quy định đánh giá, xếp loại viên chức, người lao động trong Trường Đại học Hải Dương                                                                                                         | QĐ 454/QĐ-ĐHHD | 21/08/2023 | Trường Đại học Hải Dương                          |
| 16 |                                            | QĐ về việc thành lập Ban chỉ đạo chuyển đổi số Trường Đại học Hải Dương                                                                                                                                      | QĐ122/QĐ-ĐHHD  | 17/04/2023 | Trường Đại học Hải Dương                          |
| 17 | Danh mục vị trí việc làm                   | TB Số lượng vị trí việc làm các đơn vị thuộc, trực thuộc năm 2024                                                                                                                                            | 152/TB-ĐHHD    | 19/09/2024 | Trường Đại học Hải Dương                          |
| 18 |                                            | Bộ chỉ số đánh giá thực hiện công việc (KPIs)                                                                                                                                                                | 369/QĐ-ĐHHD    | 31/08/2020 | Trường Đại học Hải Dương                          |
| 19 | Khác                                       | QĐ v/v Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ Trường ĐHHD                                                                                                                                                          | QĐ 468/QĐ-ĐHHD | 24/08/2023 | Trường Đại học Hải Dương                          |
| 20 |                                            | QĐ v/v ban hành Quy định về công tác TĐ, KT của Trường Đại học Hải Dương                                                                                                                                     | QĐ 453/QĐ-ĐHHD | 21/08/2023 | Trường Đại học Hải Dương                          |
| 21 |                                            | Nghị quyết Thông qua phương án mức thu học phí và các hoạt động bồi dưỡng; dịch vụ phục vụ, hỗ trợ các hoạt động giáo dục và đào tạo tại Trường Đại học Hải Dương từ năm học 2023-2024 đến năm học 2025-2026 | NQ 56/NQ-HĐT   | 18/08/2023 | HĐT Trường Đại học Hải Dương nhiệm kỳ 2020 - 2025 |
| 22 |                                            | QĐ v/v ban hành Quy định nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn, PCTN vượt khung, PCTN nhà giáo trong Trường Đại học Hải Dương                                                           | QĐ 459/QĐ-ĐHHD | 24/08/2023 | Trường Đại học Hải Dương                          |

|    |                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                  |                |            |                                                   |
|----|--------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|------------|---------------------------------------------------|
| 23 |                                            | QĐ ban hành Quy chế quản lý văn bằng, chứng chỉ của T. ĐHHD                                                                                                                                                                                                      | 666/QĐ-ĐHHD    | 29/11/2023 | Trường Đại học Hải Dương                          |
| 24 |                                            | QĐ v/v Ban hành Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng ngành GDMN của T.ĐHHD                                                                                                                                                                                          | QĐ 470/QĐ-ĐHHD | 28/08/2023 | Trường Đại học Hải Dương                          |
| 25 |                                            | QĐ ban hành Quy định về liên kết đào tạo trình độ ĐH, CĐ ngành GDMN hình thức VLVH                                                                                                                                                                               | 650/QĐ-ĐHHD    | 17/11/2023 | Trường Đại học Hải Dương                          |
| 26 | Quy chế dân chủ                            | Nghị quyết Ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Trường Đại học Hải Dương                                                                                                                                                                       | NQ 47/NQ-HĐT   | 16/06/2023 | HĐT Trường Đại học Hải Dương nhiệm kỳ 2020 - 2025 |
| 27 |                                            | QĐ v/v Ban hành Quy chế đào tạo trình độ ĐH của T.ĐHHD                                                                                                                                                                                                           | QĐ 471/QĐ-ĐHHD | 28/08/2023 | Trường Đại học Hải Dương                          |
| 28 | Khác                                       | QUYẾT ĐỊNH về việc ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động NCKH của sinh viên Trường Đại học Hải Dương                                                                                                                                                         | 972/QĐ-ĐHHD    | 02/12/2024 | Trường Đại học Hải Dương                          |
| 29 |                                            | Quyết định về việc ban hành Quy chế ngoại trú của sinh viên Trường Đại học Hải Dương                                                                                                                                                                             | 349/QĐ-ĐHHD    | 17/08/2020 | Trường Đại học Hải Dương                          |
| 30 |                                            | QĐ Ban hành Quy định về chuẩn chương trình ĐT; xây dựng, thẩm định ban hành chuẩn đầu ra và chương trình ĐT trình độ ĐH tại T.ĐHHD                                                                                                                               | QĐ 473/QĐ-ĐHHD | 28/08/2023 | Trường Đại học Hải Dương                          |
| 31 |                                            | Quyết định Ban hành Quy định về đào tạo học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh theo hệ thống tín chỉ đối với sinh viên đại học chính quy của Trường Đại học Hải Dương                                                                                           | 212/QĐ-ĐHHD    | 07/01/2020 | Trường Đại học Hải Dương                          |
| 32 | Chiến lược phát triển                      | Quyết định về việc ban hành chiến lược thành phần đối với các lĩnh vực: Tổ chức bộ máy và phát triển đội ngũ, Đào tạo, NCKH&HTQT, Cơ sở vật chất, Tài chính, Đảm bảo chất lượng, Phục vụ cộng đồng trường Đại học Hải Dương giai đoạn 2018 - 2025, tầm nhìn 2030 | 282/QĐ-ĐHHD    | 08/10/2018 | Trường Đại học Hải Dương                          |
| 33 | Quy định, chính sách về bảo đảm chất lượng | QĐ v/v điều chỉnh Hội đồng Bảo đảm chất lượng giáo dục Trường ĐHHD                                                                                                                                                                                               | QĐ 444/QĐ-ĐHHD | 15/08/2023 | Trường Đại học Hải Dương                          |
| 34 |                                            | Quyết định Ban hành Quy chế quản lý văn bằng, chứng chỉ của Trường Đại học Hải Dương                                                                                                                                                                             | 245/QĐ-ĐHHD    | 06/08/2020 | Trường Đại học Hải Dương                          |
| 35 |                                            | QĐ v/v ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm VC LĐ, quản lý và điều động VC làm việc tại TĐHHD                                                                                                                               | 499/QĐ-ĐHHD    | 12/09/2023 | Trường Đại học Hải Dương                          |

|    |      |                                                                                                                                             |                |            |                                                   |
|----|------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|------------|---------------------------------------------------|
| 36 |      | QĐ v/v kiện toàn, bổ sung HĐ xét nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn và PCTN nhà giáo năm 2023                       | 584a/QĐ-ĐHHD   | 20/10/2023 | Trường Đại học Hải Dương                          |
| 37 |      | QĐ Ban hành Quy định So chuẩn, đối sánh chất lượng cơ sở GD và CTĐT của T. ĐHHD                                                             | 670/QĐ-ĐHHD    | 01/12/2023 | Trường Đại học Hải Dương                          |
| 38 |      | QĐ về việc phân công nhiệm vụ trong Ban Giám hiệu Nhà trường                                                                                | QĐ 266/QĐ-ĐHHD | 16/06/2023 | Trường Đại học Hải Dương                          |
| 39 |      | Nghị quyết về chủ trương liên kết đào tạo theo hình thức vừa làm vừa học                                                                    | NQ 62/NQ-HĐT   | 19/11/2023 | HĐT Trường Đại học Hải Dương nhiệm kỳ 2020 - 2025 |
| 40 | Khác | QUYẾT ĐỊNH về việc ban hành Quy định về tổ chức quản lý và xuất bản Tạp chí Đại học Hải Dương,                                              | 41/QĐ-ĐHHD     | 15/01/2025 | Trường Đại học Hải Dương                          |
| 41 |      | Quy trình thanh tra, kiểm tra, giám sát công tác TS và nhập học của Trường Đại học Hải Dương                                                | 223/QĐ-ĐHHD    | 21/07/2020 | Trường Đại học Hải Dương                          |
| 42 |      | QĐ v/v Ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành ĐT, đình chỉ hoạt động của ngành ĐT trình độ ĐH, thạc sĩ, tiến sĩ của T.ĐHHD | QĐ 472/QĐ-ĐHHD | 28/08/2023 | Trường Đại học Hải Dương                          |
| 43 | Khác | QĐ v/v ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của T. ĐHHD                                                                  | 555/QĐ-ĐHHD    | 28/09/2023 | Trường Đại học Hải Dương                          |
| 44 |      | QĐ v/v ban hành Quy chế quản lý hoạt động KH&CN của T.ĐHHD                                                                                  | 484/QĐ-ĐHHD    | 05/09/2023 | Trường Đại học Hải Dương                          |
| 45 |      | QĐ Ban hành Quy định về công tác Lấy ý kiến phản hồi của người học, cán bộ viên chức và các bên liên quan của T. ĐHHD                       | 669/QĐ-ĐHHD    | 01/12/2023 | Trường Đại học Hải Dương                          |

### 8. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp

| STT      | Lĩnh vực /Ngành đào tạo                       | Mã ngành   | Chỉ tiêu tuyển sinh | Số SV trúng tuyển nhập học | Số SV tốt nghiệp | Trong đó tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp (khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh) |
|----------|-----------------------------------------------|------------|---------------------|----------------------------|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1</b> | <b>Công nghệ kỹ thuật</b>                     | <b>751</b> | <b>0</b>            | <b>0</b>                   | <b>0</b>         | <b>0</b>                                                                                                                                                      |
| 1.1      | Công nghệ kỹ thuật cơ - điện tử               | 7510203    | 0                   | 0                          | 0                | 0                                                                                                                                                             |
| 1.2      | Công nghệ kỹ thuật điện tử – viễn thông       | 7510302    | 0                   | 0                          | 0                | 0                                                                                                                                                             |
| <b>2</b> | <b>Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên</b> | <b>511</b> | <b>0</b>            | <b>0</b>                   | <b>0</b>         | <b>0</b>                                                                                                                                                      |
| 2.1      | Giáo dục mầm non                              | 51140201   | 846                 | 332                        | 311              | 100                                                                                                                                                           |
| 2.2      | Giáo dục Mầm non                              | 7140201    | 0                   | 0                          | 0                | 0                                                                                                                                                             |
| 2.3      | Giáo dục Tiểu học                             | 7140202    | 0                   | 0                          | 0                | 0                                                                                                                                                             |
| 2.4      | Giáo dục Chính trị                            | 7140205    | 0                   | 0                          | 0                | 0                                                                                                                                                             |
| 2.5      | Giáo dục Thể chất                             | 7140206    | 0                   | 0                          | 0                | 0                                                                                                                                                             |
| 2.6      | Sư phạm Toán học                              | 7140209    | 0                   | 0                          | 0                | 0                                                                                                                                                             |
| 2.7      | Sư phạm Tin học                               | 7140210    | 0                   | 0                          | 0                | 0                                                                                                                                                             |
| 2.8      | Sư phạm Ngữ văn                               | 7140217    | 0                   | 0                          | 0                | 0                                                                                                                                                             |
| 2.9      | Sư phạm Lịch sử                               | 7140218    | 0                   | 0                          | 0                | 0                                                                                                                                                             |
| 2.10     | Sư phạm Địa lý                                | 7140219    | 0                   | 0                          | 0                | 0                                                                                                                                                             |
| 2.11     | Sư phạm Tiếng Anh                             | 7140231    | 0                   | 0                          | 0                | 0                                                                                                                                                             |
| 2.12     | Sư phạm khoa học tự nhiên                     | 7140247    | 0                   | 0                          | 0                | 0                                                                                                                                                             |
| <b>3</b> | <b>Toán và thống kê</b>                       | <b>746</b> | <b>0</b>            | <b>0</b>                   | <b>0</b>         | <b>0</b>                                                                                                                                                      |
| 3.1      | Toán học                                      | 7460101    | 0                   | 0                          | 0                | 0                                                                                                                                                             |
| <b>4</b> | <b>Nhân văn</b>                               | <b>722</b> | <b>0</b>            | <b>0</b>                   | <b>0</b>         | <b>0</b>                                                                                                                                                      |

|           |                                                        |            |          |          |          |          |
|-----------|--------------------------------------------------------|------------|----------|----------|----------|----------|
| 4.1       | Ngôn ngữ Anh                                           | 7220201    | 50       | 3        | 2        | 100      |
| 4.2       | Văn học                                                | 7229030    | 0        | 0        | 0        | 0        |
| <b>5</b>  | <b>Nông, lâm nghiệp và thủy sản</b>                    | <b>762</b> | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>0</b> |
| 5.1       | Chăn nuôi                                              | 7620105    | 0        | 0        | 0        | 0        |
| 5.2       | Phát triển nông thôn                                   | 7620116    | 0        | 0        | 0        | 0        |
| <b>6</b>  | <b>Khoa học xã hội và hành vi</b>                      | <b>731</b> | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>0</b> |
| 6.1       | Kinh tế                                                | 7310101    | 50       | 5        | 0        | 0        |
| 6.2       | Chính trị học                                          | 7310201    | 0        | 0        | 0        | 0        |
| <b>7</b>  | <b>Kinh doanh và quản lý</b>                           | <b>734</b> | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>0</b> |
| 7.1       | Quản trị kinh doanh                                    | 7340101    | 50       | 31       | 20       | 100      |
| 7.2       | Marketing                                              | 7340115    | 0        | 0        | 0        | 0        |
| 7.3       | Tài chính - Ngân hàng                                  | 7340201    | 50       | 4        | 3        | 100      |
| 7.4       | Kế toán                                                | 7340301    | 200      | 56       | 42       | 95       |
| 7.5       | Quản trị văn phòng                                     | 7340406    | 65       | 11       | 9        | 100      |
| <b>8</b>  | <b>Kỹ thuật</b>                                        | <b>752</b> | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>0</b> |
| 8.1       | Kỹ thuật điện                                          | 7520201    | 102      | 42       | 26       | 100      |
| <b>9</b>  | <b>Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân</b> | <b>781</b> | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>0</b> |
| 9.1       | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành                    | 7810103    | 50       | 5        | 1        | 100      |
| <b>10</b> | <b>Máy tính và công nghệ thông tin</b>                 | <b>748</b> | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>0</b> |
| 10.1      | Công nghệ thông tin                                    | 7480201    | 50       | 17       | 9        | 100      |
| <b>11</b> | <b>Dịch vụ xã hội</b>                                  | <b>776</b> | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>0</b> |
| 11.1      | Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật                       | 7760103    | 0        | 0        | 0        | 0        |
|           | <b>Tổng</b>                                            |            | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>0</b> | <b>0</b> |